

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới WTO, điều này mở ra rất nhiều cơ hội mới cho nền kinh tế Việt Nam nhưng cũng không ít thách thức mới với các doanh nghiệp trong nước. Nó đặt các doanh nghiệp vào cuộc cạnh tranh gay gắt trên thương trường. Các doanh nghiệp đứng trước hai khả năng hoặc phá sản, hoặc phát triển bền vững. Bởi vậy, các doanh nghiệp trong nước luôn phải cố gắng tìm mọi biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Vậy dựa vào đâu để biết một doanh nghiệp đang phát triển, có khả năng phát triển hoặc đứng trước nguy cơ phá sản? chính là thông qua các con số về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp. Thông qua hệ thống báo cáo tài chính do kế toán cung cấp ta có thể biết được tình hình tài chính của doanh nghiệp như thế nào. Đồng thời đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp tiêu thụ như thế nào? Chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ ra sao? Và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin đó giúp các nhà quản trị đưa ra những đối sách phù hợp.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại công ty CP giấy Mỹ Hương em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em đã lựa chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP giấy Mỹ Hương” cho bài khóa luận của mình.

Nội dung của khóa luận được trình bày trong 3 chương:

CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.

CHƯƠNG II: THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP GIẤY MỸ HƯƠNG.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP GIẤY MỸ HƯƠNG.

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về công ty còn nhiều hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy em mong được sự góp ý của các thầy cô và phòng kế toán của công ty giúp khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 20 tháng 5 năm 2009

Sinh viên

Nguyễn Thị Hoa

CHƯƠNG I:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng khác như nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- Đối với mỗi doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với các nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra những quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

- Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không.

- Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Nó giúp các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.1. Doanh thu

➤ Khái niệm

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trị giá hàng bán bị trả lại và thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phai nộp, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp của hàng đa tiêu thụ.

➤ Phân loại doanh thu.

Doanh thu của doanh nghiệp được chia thành:

+ Doanh thu bán hàng: Là khoản tiền thu được hoặc sẽ thu được từ việc bán các sản phẩm, hàng hóa được xác định là bán trong kỳ kế toán của doanh nghiệp.

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ: Là khoản tiền thu được từ việc thực hiện các công việc đã thỏa thuận trong một hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản theo phương thức hoạt động, doanh thu bất động sản đầu tư.

+ Doanh thu trợ cấp, trợ giá

+ Doanh thu hoạt động tài chính.

+ Doanh thu kinh doanh bất động sản.

1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại và thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp phải làm giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng hóa, dịch vụ với

khối lượng lớn theo thỏa thuận và chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

- Hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện cam kết trong trường hợp hợp đồng kinh tế như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại...

1.1.2.3. Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh cho các hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

+ Giá vốn hàng bán: được sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa đã bán được gồm cả chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ(đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thực tế lao vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác.

+ Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí vật liệu bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.
- Chi phí bảo hành sản phẩm: là khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định của bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.
 - Chi phí bằng tiền khác: là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa.
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định
- Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ công cụ dùng chung của doanh nghiệp.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.
- Thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như: tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.
- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản kể trên: như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi phí khác.

Về nguyên tắc chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được tính hết vào giá thành toàn bộ của những sản phẩm đã tiêu thụ trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh. Tuy nhiên trong trường hợp trong kỳ doanh nghiệp không có hoặc có ít sản phẩm đã tiêu thụ thì cuối ý kế toán phải kết chuyển toàn bộ hoặc một phần chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ sang kỳ sau theo những chi phí thực tế đã chi ở kỳ này nhưng có liên quan đến những sản phẩm sẽ được tiêu thụ ở kỳ sau. Hoặc phân bổ chi phí phát sinh trong kỳ cho 2 đối tượng: Sản phẩm đã bán trong kỳ và sản phẩm chưa bán được lúc cuối kỳ. Mức phân bổ chi phí cho những sản phẩm chưa bán được lúc cuối kỳ được chuyển sang kỳ sau.

1.1.2.4. Doanh thu tài chính, chi phí tài chính:

✓ ***Doanh thu hoạt động tài chính:*** Là các khoản doanh thu tiền lãi, bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu tài chính khác của doanh nghiệp.

✓ ***Chi phí hoạt động tài chính:*** Là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

1.1.2.5. Chi phí khác, thu nhập khác.

✓ ***Thu nhập khác:*** là các khoản thu nhập khác, các khoản thu từ ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã qua xử lý xóa sổ các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, thu nhập từ các khoản phải trả không xác định được chủ..

✓ ***Chi phí khác:*** Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt đối với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
 - Bị phạt thuế, truy thu thuế.
 - Các khoản chi phí khác.
 - + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là một loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm lm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm hiệ hành.

1.1.2.6. Xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu (thuần) với trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và thuế phải nộp theo quy định của pháp luật của từng kỳ kế toán. Trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ tiêu này được gọi là “Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh”
- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính với các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.
- Hoạt động khác là hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước, hoặc có dự tính trước nhưng ít khả năng thực hiện, các hoạt động khác như: Thanh lý nhượng bán tài sản cố định, thu được tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, thu được các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ...

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- + Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác số hiện có và tình hình luân chuyển của hàng hóa cả về mặt giá trị và hiện vật, khối lượng hàng hóa bán ra, tính

toán phản ánh đúng đắn trị giá vốn của hàng nhập kho, hàng xuất kho, hàng bán ra nhằm cung cấp thông tin kịp thời nhằm phục vụ cho lãnh đạo và quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về mua hàng, bán hàng, các định mức dự trữ hàng hóa, các chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận bán hàng, kỷ luật thanh toán và quản lý chặt chẽ tiền bán hàng, kỷ luật thu nộp Ngân sách.

+ Tổ chức hợp lý chứng từ, tài khoản kế toán, sổ sách kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng hóa tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp để ghi chép, phân loại, tổng hợp số liệu đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình hình biến động tăng giảm của hàng hóa trong quá trình hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, xác định trị giá vốn hàng bán.

+ Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính định kỳ và phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Các nguyên tắc cơ bản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14_ Ban hành và công bố theo quyết định số 149/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý, quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.2.1.2. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng là số tiền thu được do bán hàng hóa sản phẩm cung cấp lao vụ dịch vụ cho khách hàng. Tổng số doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn bán hàng, trên hợp đồng cung cấp lao vụ dịch vụ.

Doanh thu = số lượng hàng hóa sản phẩm tiêu thụ trong kỳ * Đơn giá

- Hàng hóa đã bán thì được hạch toán doanh thu không phân biệt đã thu tiền hay chưa.

- Đối với sản phẩm hàng hóa là đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm hàng hóa không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là giá thanh toán.

- Đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng là giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng phần hoa hồng doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì Doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá ấn trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

- Những sản phẩm hàng hóa được xác định là tiêu thụ nhưng về một lý do về chất lượng, quy cách kỹ thuật... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được Doanh nghiệp chấp nhận, hoặc người mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các TK 531-Hàng bán bị trả lại, TK 532-Giảm giá hàng bán, TK 521 - Chiết khấu thương mại.

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền khách hàng nhưng đến cuối kỳ Doanh nghiệp vẫn chưa giao hàng cho người mua thì số hàng này không được coi là tiêu thụ hay khoản tiền đó không được coi là

doanh thu. Và chỉ ghi vào bên Có TK 131 về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi giao hàng cho người mua thì mới ghi nhận vào TK “Doanh thu”.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu của nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền thu được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên TK 5114-Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính là số tiền có thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia số năm cho thuê tài sản.

- Không hạch toán vào TK “Doanh thu bán hàng” các trường hợp sau:

- + Trị giá vật tư, hàng hóa, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.
- + Trị giá hàng hóa gửi bán nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.
- + Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi nhưng chưa bán được.
- + Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng (Chiết khấu thanh toán) không được ghi nhận giảm doanh thu mà được coi là chi phí tài chính.

1.2.1.3. Các nguyên tắc cơ bản khi xác định kết quả kinh doanh:

- Phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.
- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động kinh doanh thương mại, hoạt động tài chính, hoạt động khác).

1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ kế toán liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

❖ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Dùng để phản ánh tổng doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ.

Tài khoản này gồm 5 tài khoản cấp 2

- + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa.
- + TK 5112: Doanh thu bán sản phẩm.
- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + TK 5117: Doanh thu kinh doanh BĐSĐT.

Kết cấu của TK 511: doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bên nợ:

Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- + số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp, nộp thuế GTGT theo pp trực tiếp.
- + Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- + Khoản giảm trừ hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- + Khoản chết khấu thương mại cuối kỳ.
- + kết chuyển doanh từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần vào TK 911 “xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511: không có số dư cuối kỳ

❖ TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh nghiệp tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty. Tổng cộng tính theo giá nội bộ.

Tài khoản này gồm 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa nội bộ.
- + TK 5122: Doanh thu bán sản phẩm nội bộ.
- + TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ.

Kết cấu tài khoản 512 như sau:

Bên nợ:

+ Trị giá hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã chấp nhận khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

+ Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tiêu thụ đặc biệt.

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

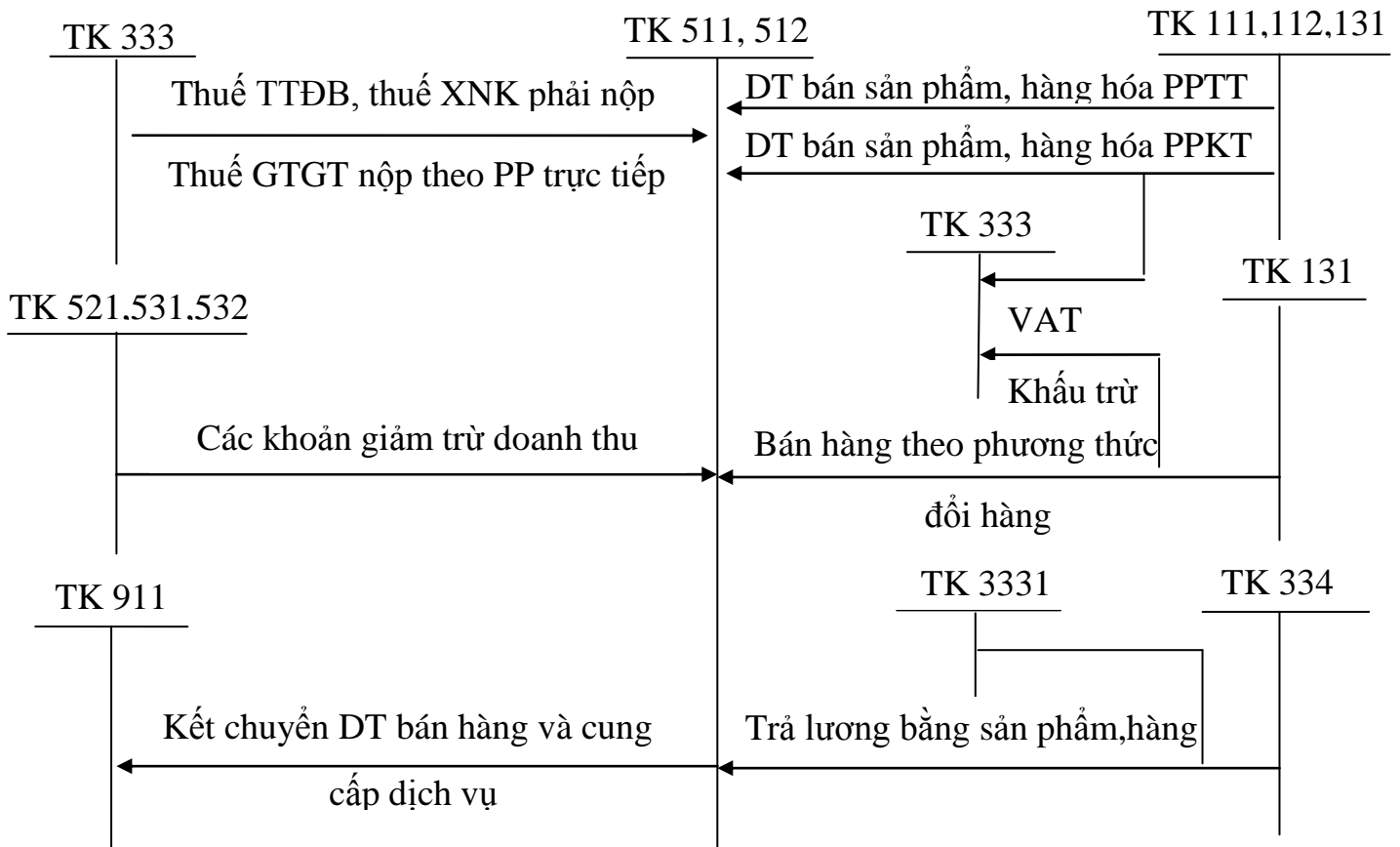
Bên có:

Doanh thu bán hàng nội bộ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

Tài khoản 512: không có số dư cuối kỳ

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ số 01- Sơ đồ hạch toán doanh thu



1.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu cần sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu nhập kho
- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

❖ **TK 521 – Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này phản ánh chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp

đã quyết định. Chiết khấu thương mại là khoản doanh thu bán giảm giá niêm yết cho khách hàng với khối lượng lớn.

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 5211: Chiết khấu hàng hóa
- + TK 5212: chiết khấu thành phẩm
- + TK 5213: Chiết khấu dịch vụ

Kết cấu tài khoản 521 như sau:

Bên nợ:

- Ghi số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu bán hàng trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 521: không có số dư cuối kỳ

❖ **TK 531 – Hàng bán bị trả lại**

Dùng để phản ánh trị giá thành phẩm hàng hóa bị khách hàng trả lại.

Trường hợp hàng bán bị trả lại vào kỳ kế toán sau, tức là trước đây đã ghi nhận doanh thu và xác định kết quả kinh doanh, kế toán phản ánh doanh thu, thuế GTGT của hàng trả lại ghi nhận vào chi phí của kỳ này, trị giá vốn của hàng trả lại nhập kho ghi nhận doanh thu kỳ này.

Kết cấu tài khoản 531- hàng bán bị trả lại:

Bên nợ:

- Doanh thu bán hàng bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc trừ vào tài khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên có:

- Kết chuyển doanh thu hàng bán bị trả lại vào bên nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để tính doanh thu thuần trong báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

❖ **TK 532 – Giảm giá hàng bán**

Dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi bán hàng và phát sinh hóa đơn do hàng kém phẩm chất

Kết cấu tài khoản 532-Giảm giá hàng bán

Bên nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có:

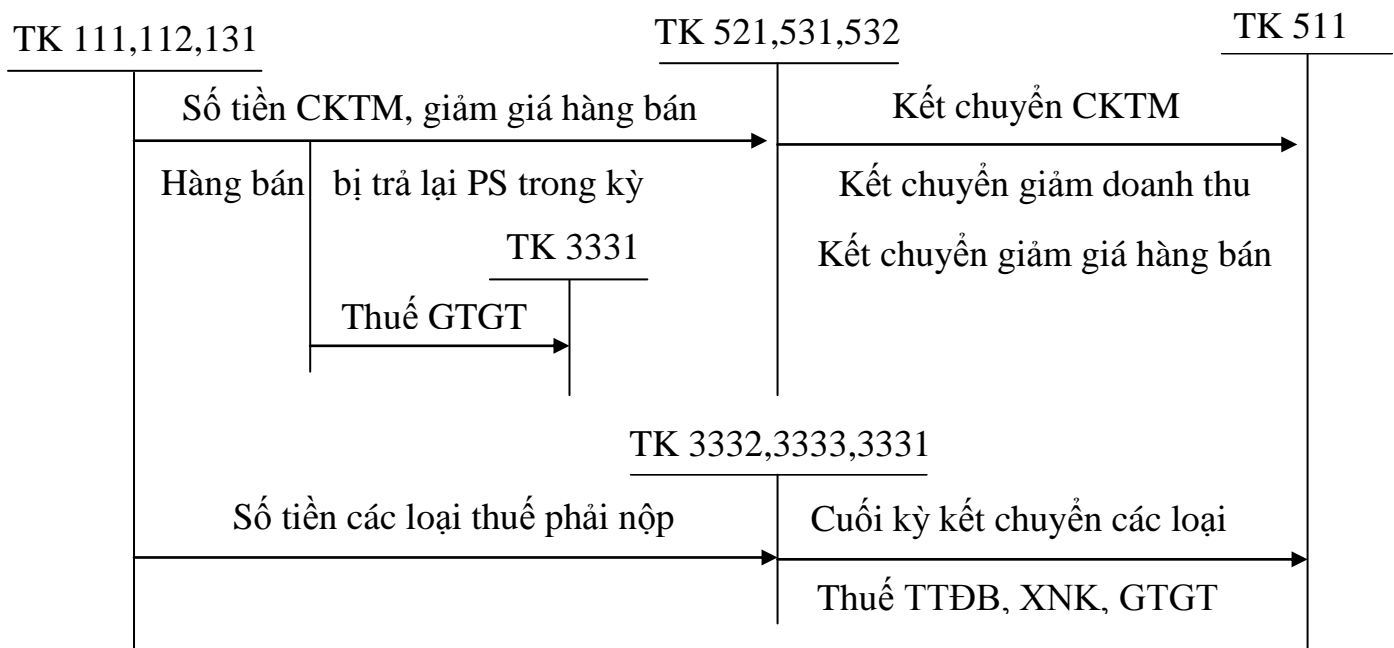
- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 521 “ Doanh thu bán hàng nội bộ” để tính doanh thu thuần.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. ***Phương pháp hạch toán:***

Sơ đồ số 02

Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.4.1. Phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất bán:

a. Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân.

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng tồn cuối kỳ}}$$

Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập i

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập i} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập i}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập i}}$$

a. Phương pháp nhập trước xuất trước:(FIFO)

Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa xuất kho được xác định dựa trên giá định hàng nào nhập trước thì xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa tồn kho cuối cùng được xác định theo giá vật tư, hàng hóa nhập cuối cùng.

b. Phương pháp nhập sau xuất trước:(LIFO)

Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa xuất kho được xác định dựa trên giá định hàng nào nhập sau thì xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của vật tư, hàng hóa tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của hàng hóa những lần nhập đầu tiên.

1.2.4.2.Chứng từ sử dụng

Trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hóa đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hành hạch toán nhập, xuất kho hàng hóa, là cơ sở của việc kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- + Phiếu nhập kho
- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- + Hóa đơn bán hàng thông thường

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho là căn cứ để xuất hàng hóa, đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết hàng hóa. Khi bán hàng, cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng hóa để lập báo cáo bán hàng.

1.2.4.3 Tài khoản sử dụng:

a. Hạch toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên:

-**Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”**: là giá trị phản ánh số giá trị vốn hàng hóa xuất bán trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 632

Bên nợ

- + Tập hợp giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.
- + Các khoản khác được tính vào giá vốn trong kỳ.

Bên có

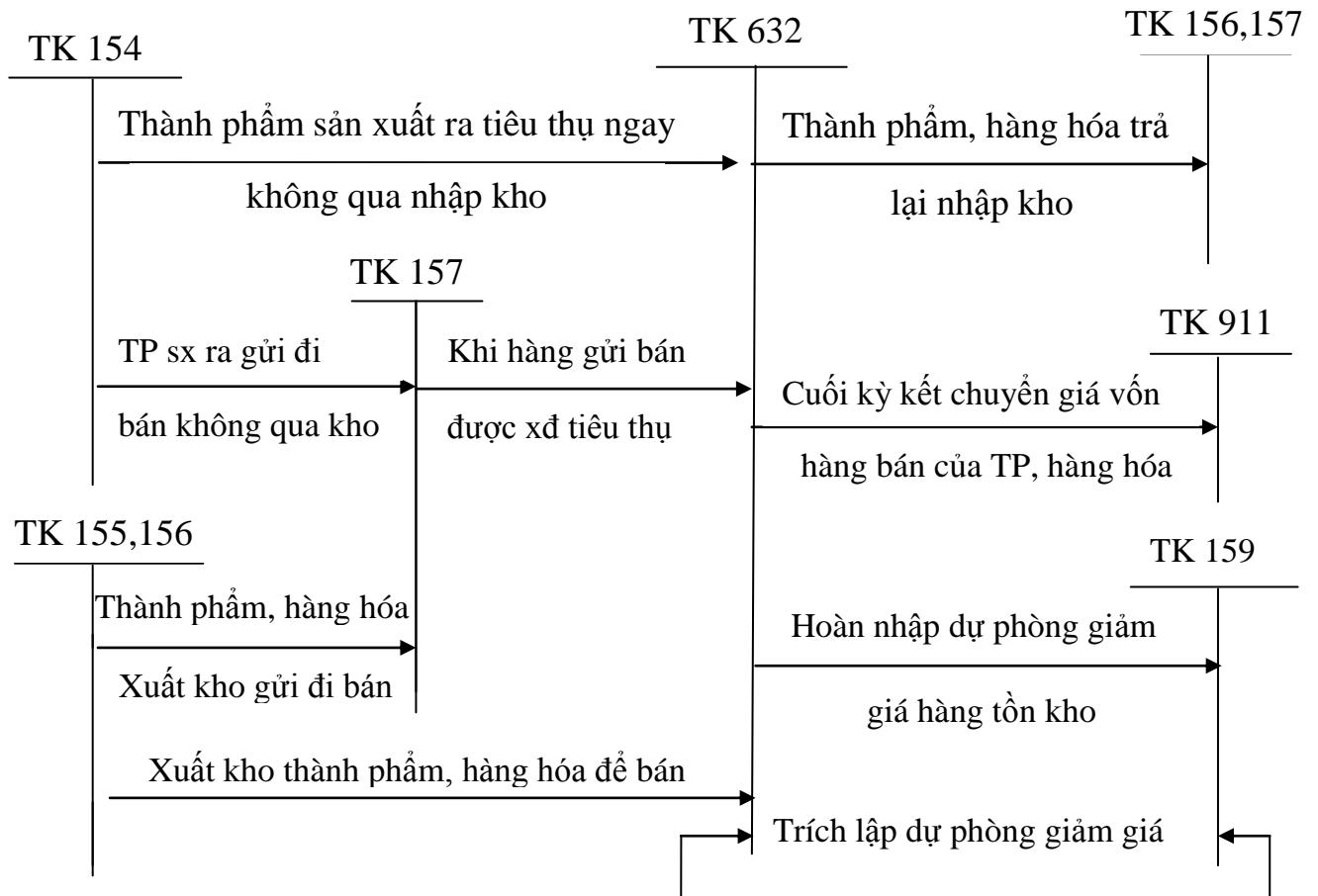
- + Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ
- + Kết chuyển giá vốn hàng hóa vào bên nợ tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ số 03

Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



b. Hạch toán giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Tài khoản 611 mua hàng: Tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hóa tăng giảm trong kỳ. Tài khoản 611 có 2 tài khoản cấp 2:

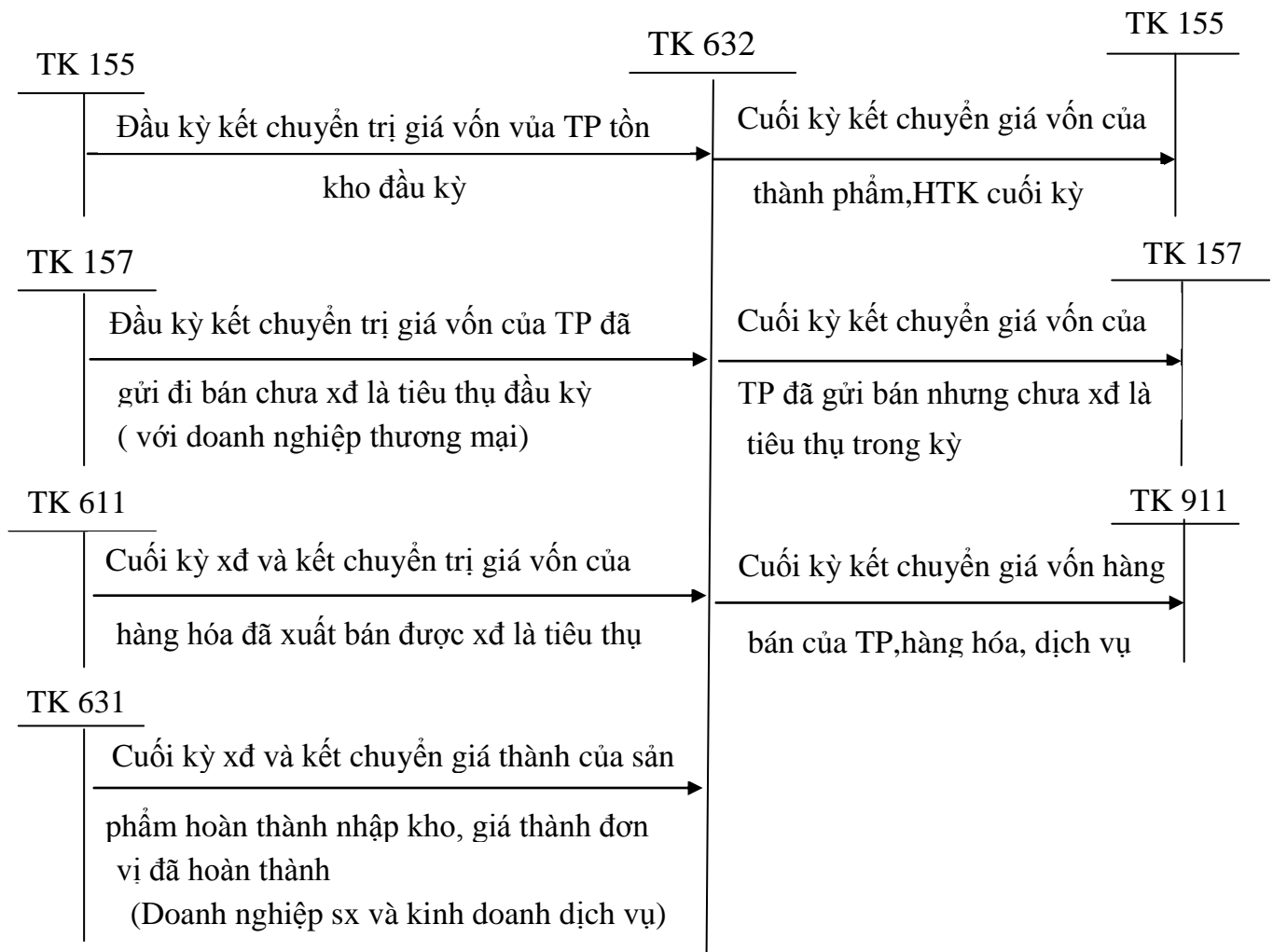
- Tài khoản 6111: Mua nguyên vật liệu
- Tài khoản 6112: Mua hàng hóa

Tài khoản 631 “Giá thành sản xuất”

1.2.4.5. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ số 04

Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.5. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

1.2.5.1. Chứng từ kế toán:

Các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ tiền gửi Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết, sổ cái tài

khoản 641, 642 phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng theo từng hình thức kế toán. Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:

TK 641: Chi phí bán hàng

Một số tài khoản chi tiết:

TK 6411: chi phí nhân viên bán hàng

TK 6412: chi phí vật liệu bao bì không tính giá riêng

TK 6413: chi phí dụng cụ đồ dùng

TK 6414: chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong bán hàng

TK 6415: chi phí bảo hành sản phẩm

TK 6417: chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: chi phí khác bằng tiền

Bên nợ: phản ánh các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Bên có: kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Một số tài khoản chi tiết

TK 6421: chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp

TK 6422: chi phí vật liệu quản lý

TK 6423: chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424: chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425: thuế, phí, lệ phí

TK 6427: chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: chi phí khác bằng tiền

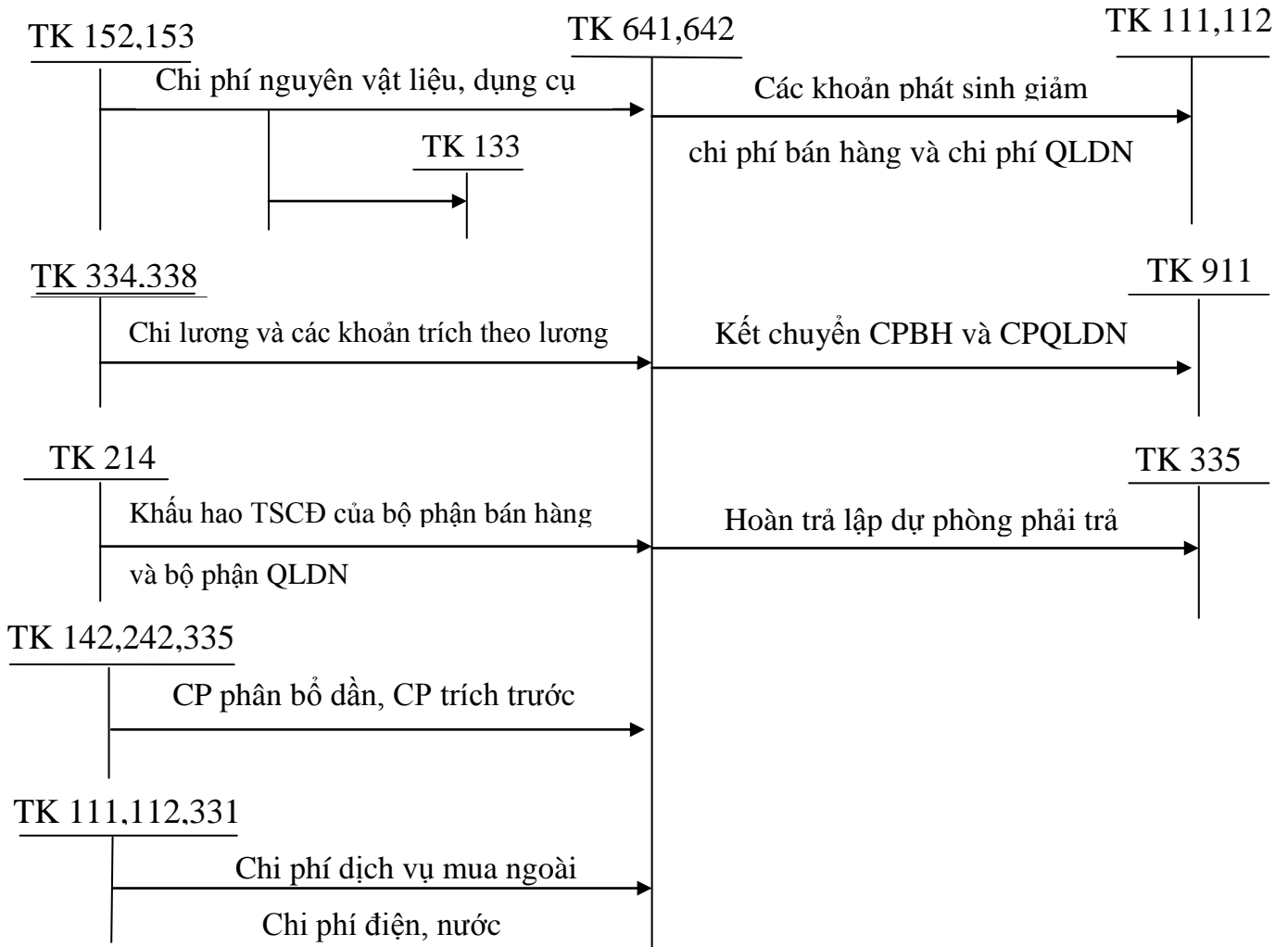
Bên nợ: các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.

Bên có: Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.5.3. phương pháp hạch toán:

Sơ đồ số 05

Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.6. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính:

1.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

Các chứng từ kế toán liên quan đến doanh thu tài chính và chi phí tài chính:

- Phiếu thu
- Giấy báo lãi của Ngân hàng
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các hợp đồng vay vốn
- Biên bản góp vốn liên doanh, liên kết
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.6.2. Tài khoản kế toán sử dụng và kết cấu tài khoản:

❖ TK 511: Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
 - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.
 - Chiết khấu thanh toán được hưởng.
 - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
 - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
 - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
 - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ

❖ TK 635: Chi phí tài chính

Kết cấu tài khoản

Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá đã thực hiện)

- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản (lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính)
- Các khoản cho phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

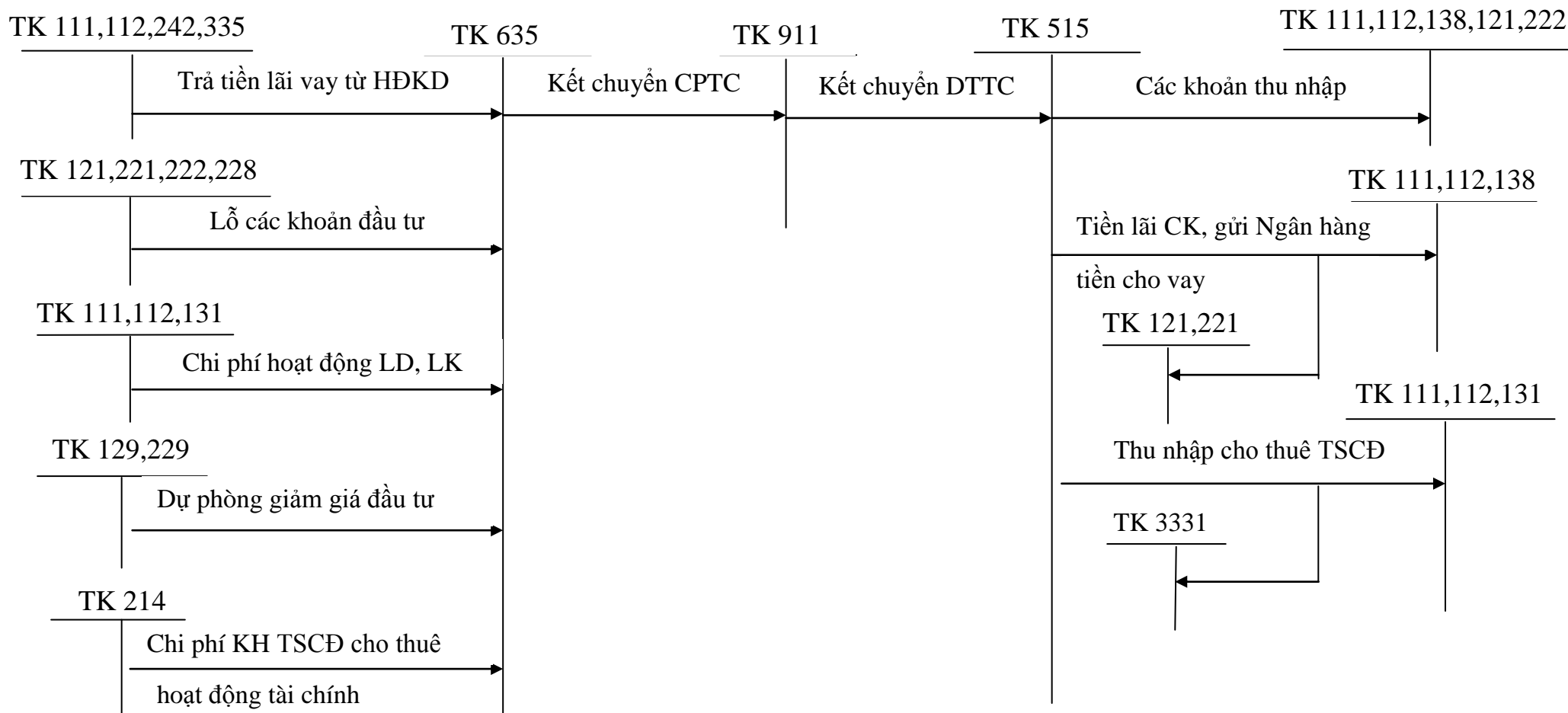
Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ số 06

Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.7 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.7.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có của Ngân hàng.
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định,
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng:

❖ TK 711: Thu nhập khác

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Nợ khó đòi trước đây đã xóa sổ nay thu hồi được.
- Các khoản nợ không ai đòi được ghi tăng thu nhập.
- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711 không có số dư

❖ TK 811: Chi phí khác

Bên nợ:

- Số tiền phạt do vi phạm hợp đồng, bị phạt thuế, bị truy thu thuế.
- Các chi phí liên quan đến xử lý thiệt hại trong trường hợp đã mua bảo hiểm.
- Các chi phí khác thực tế phát sinh (thiệt hại trong sản xuất; GTCL của TSCĐ; thanh lý; số tiền ký quỹ bị phạt; lãi tiền vay quá hạn vượt khung...)

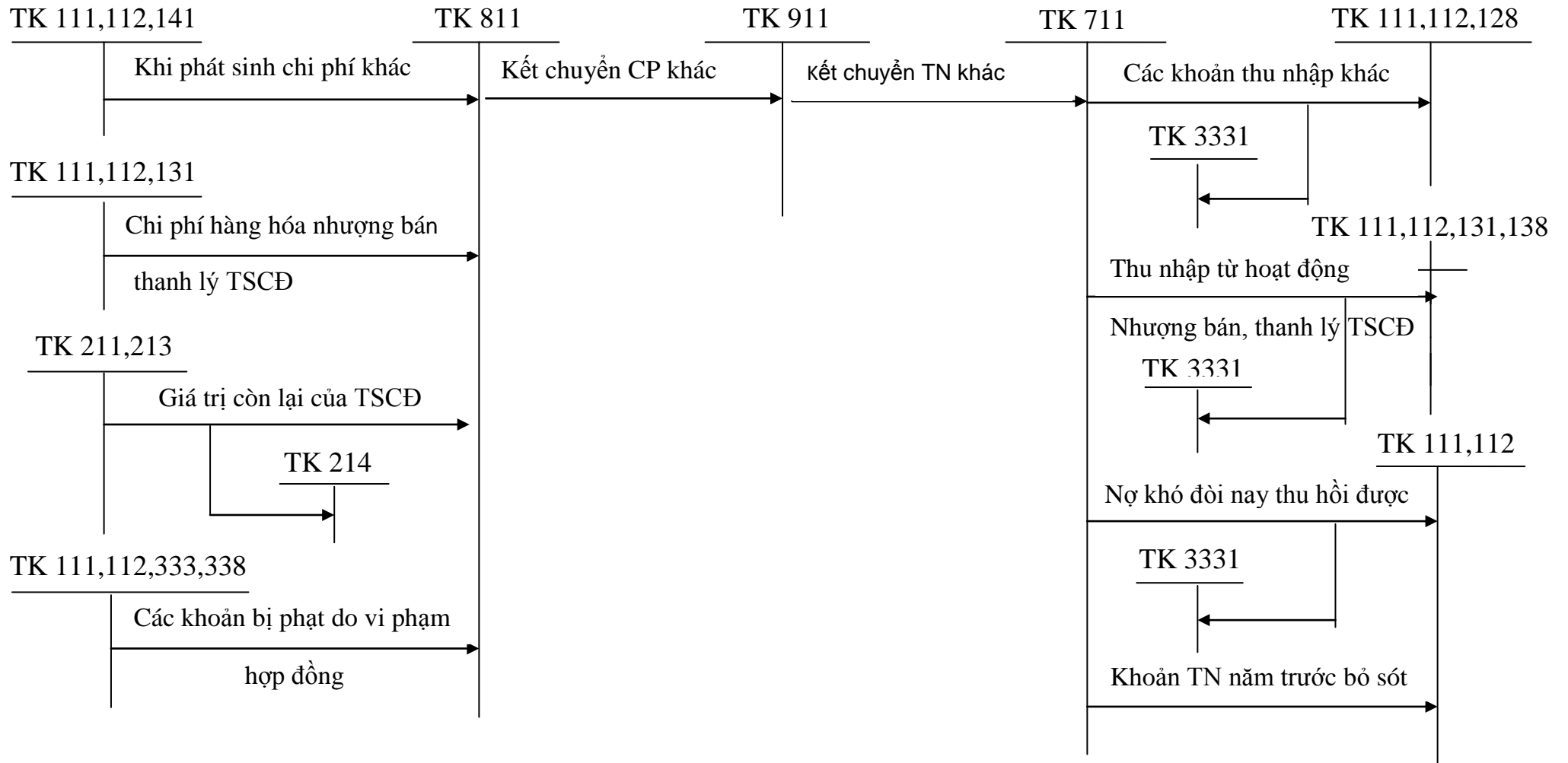
Bên có:

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911.

TK 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.7.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ số 07: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế trực thu trên kết quả hoạt động kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế nhân thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ gồm thu nhập từ hoạt động kinh doanh và thu nhập khác.

1.2.8.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.

1.2.8.2. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh thuế thu nhập doanh nghiệp gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

Bên nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Chi phí thuế TNDN của năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại.

Bên có:

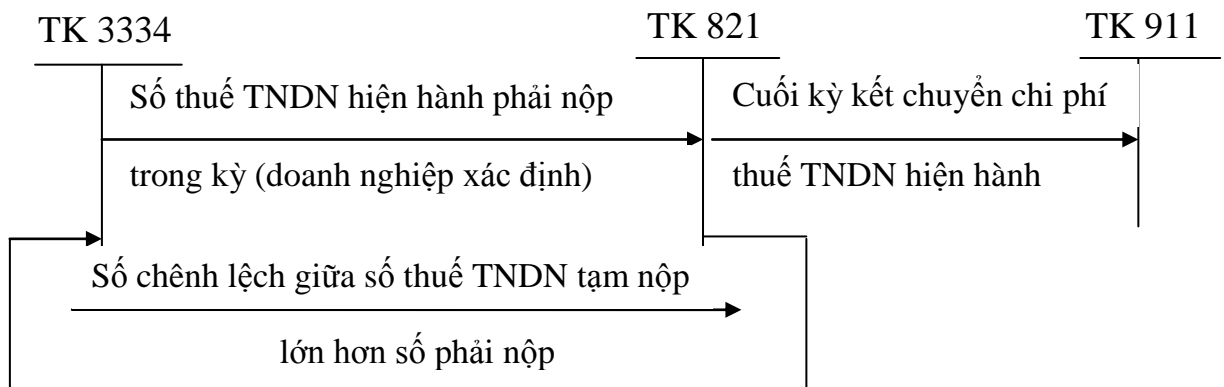
- Chi phí thuế TNDN được điều chỉnh do giảm số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số quyết toán thuế TNDN năm.
- Chi phí thuế TNDN được ghi giảm do sai sót phát hiện không trọng yếu của năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Một số TK chi tiết:

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại

1.2.8.3. Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ số 08 - Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



1.2.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

1.2.9.1. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Tổng lợi nhuận trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh được tính như sau:

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận gộp} & & \text{Doanh thu} & \text{Chi phí} & \text{Chi phí} & \text{Chi phí} \\ \text{thuần từ hoạt} & = & \text{từ bán hàng và} & + & \text{hoạt động} & - & \text{tài} & - & \text{bán} & - & \text{quản lý} \\ \text{động kinh doanh} & & \text{cung cấp dịch vụ} & & \text{tài chính} & \text{chính} & \text{hàng} & & \text{doanh nghiệp} \end{matrix}$$

1.2.9.2. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu kế toán

1.2.9.3. Tài khoản sử dụng:

❖ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

TK này dùng để phản ánh xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ.
- Chi phí bán hàng, chi phí QLDN.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí hoạt động khác.
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

TK 911 không có số dư cuối kỳ

❖ TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

TK này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận, xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Số lỗ về doanh thu của doanh nghiệp trích lập các quỹ của doanh nghiệp
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, cho các bên tham gia liên quan.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh, nộp lợi nhuận lên cấp trên

Bên có:

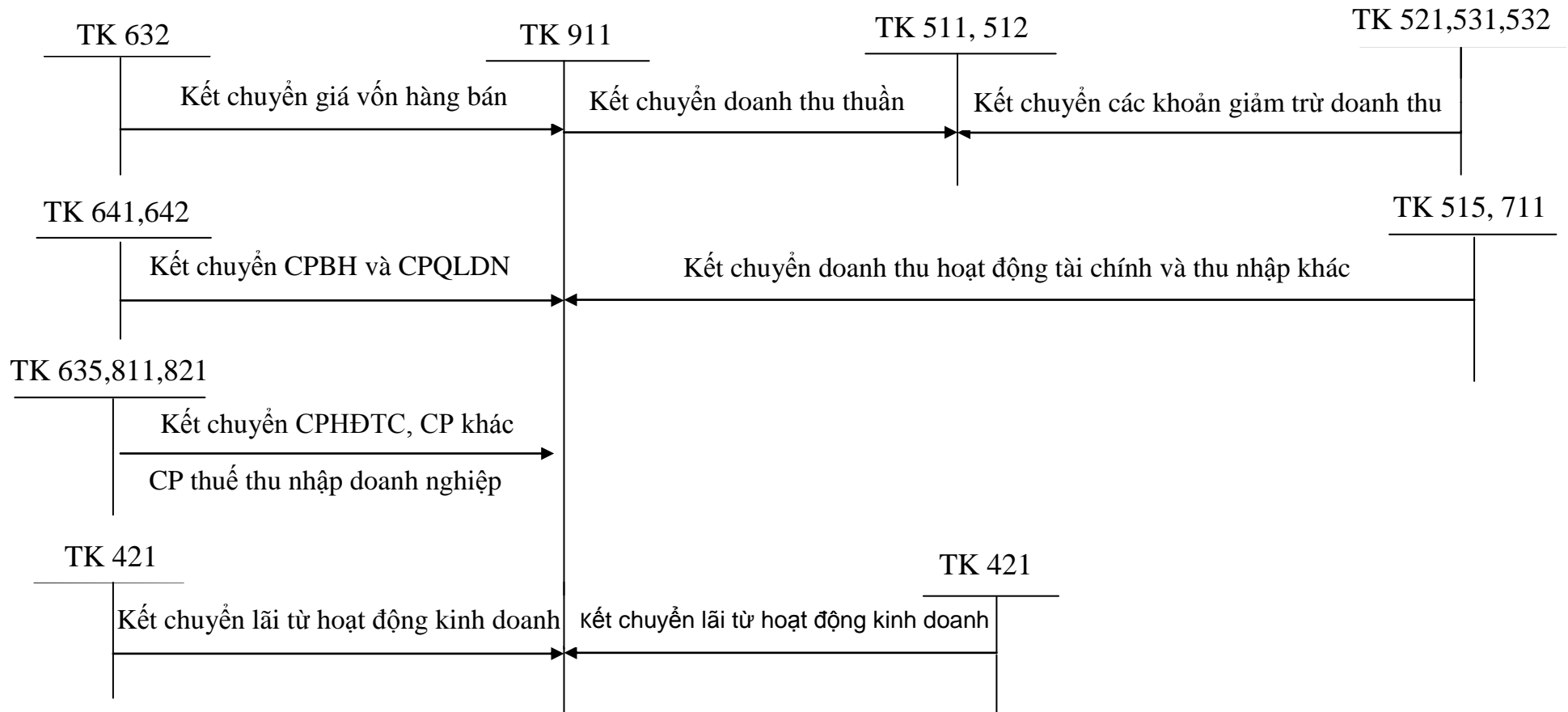
- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên.
- Số lỗ cấp dưới được cấp trên bù đắp, xử lý các khoản lỗ về kinh doanh.

TK 421: có số dư cuối kỳ

Số dư có: Số lỗ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ

Số dư nợ: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa được sử dụng

Sơ đồ số 09 - Sơ đồ hạch toán kết quả kinh doanh và phân phối kết quả kinh doanh



1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán:

Để ghi chép hệ thống hóa thông tin kế toán, doanh nghiệp phải sử dụng một hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động SXKD của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

Hiện nay các hình thức sổ sách kế toán áp dụng là: Nhật ký – sổ cái, Nhật ký chung, Nhật ký – Chứng từ, Chứng từ ghi sổ, kế toán trên máy vi tính.

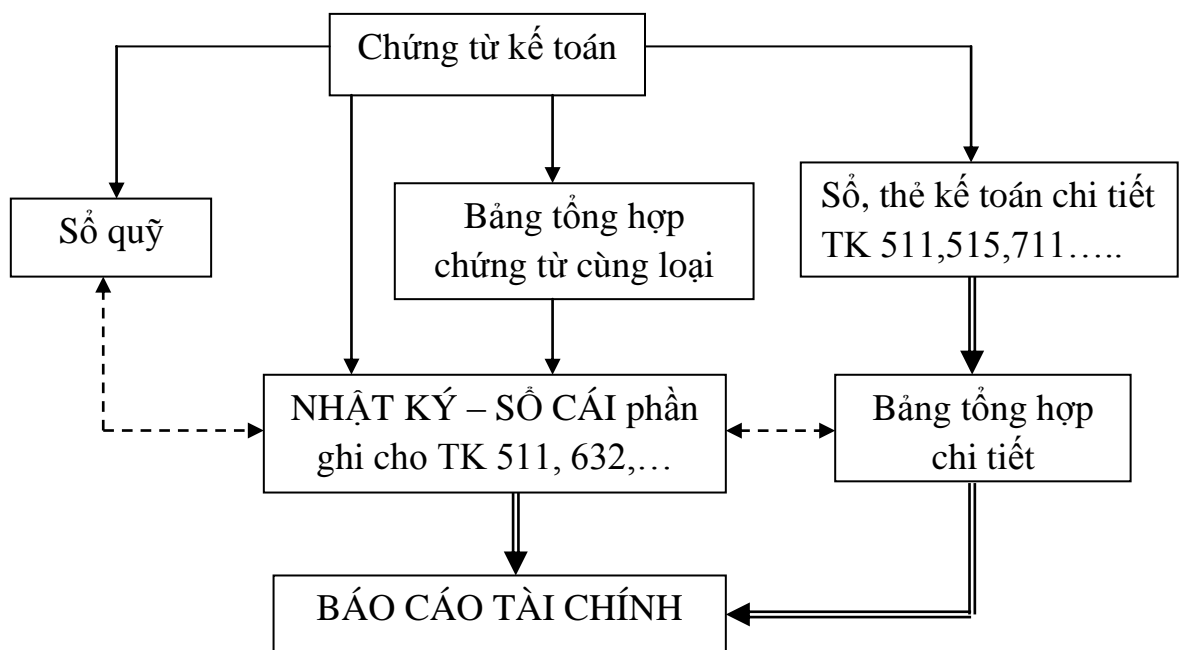
1.3.1. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

- Đặc điểm: sử dụng sổ Nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo hệ thống tên cùng một trang sổ.

- Ưu điểm: sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.

- Nhược điểm: khó phân công công việc.

Sơ đồ số 10 – Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng, định kỳ: =====>

Đối chiếu, kiểm tra: <-----

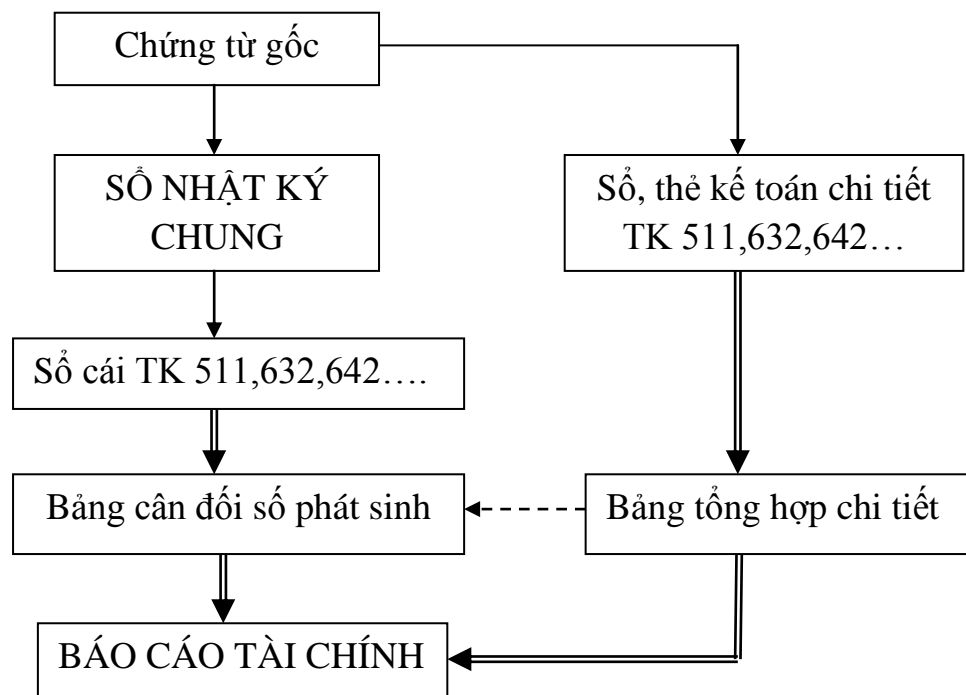
1.3.2. Hình thức Nhật ký chung:

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo qua hệ đối ứng của các tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan.

- Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công công việc.

- Nhược điểm: việc ghi chép bị trùng lặp nhiều

Sơ đồ số 11 – Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung



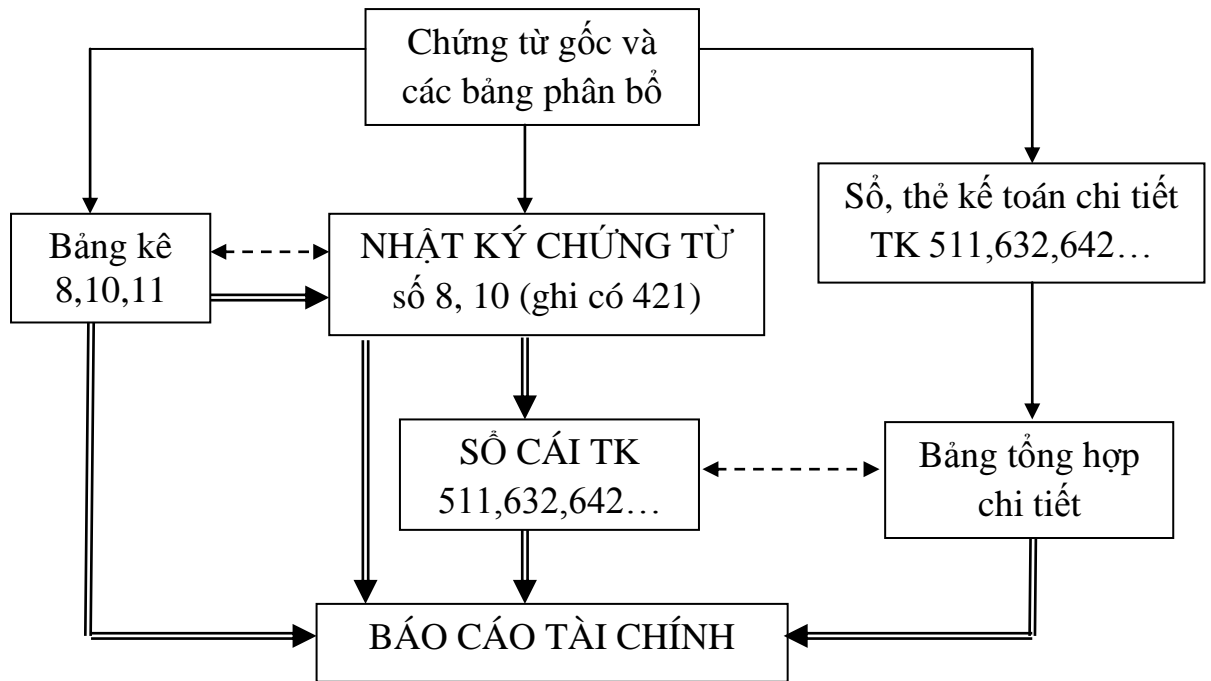
1.3.3. Hình thức Nhật ký – Chứng từ:

- Đặc điểm: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào bảng kê và Nhật ký chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản.

- Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhethao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.

- Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng, không thuận tiện cho việc tin học hóa công tác kế toán.

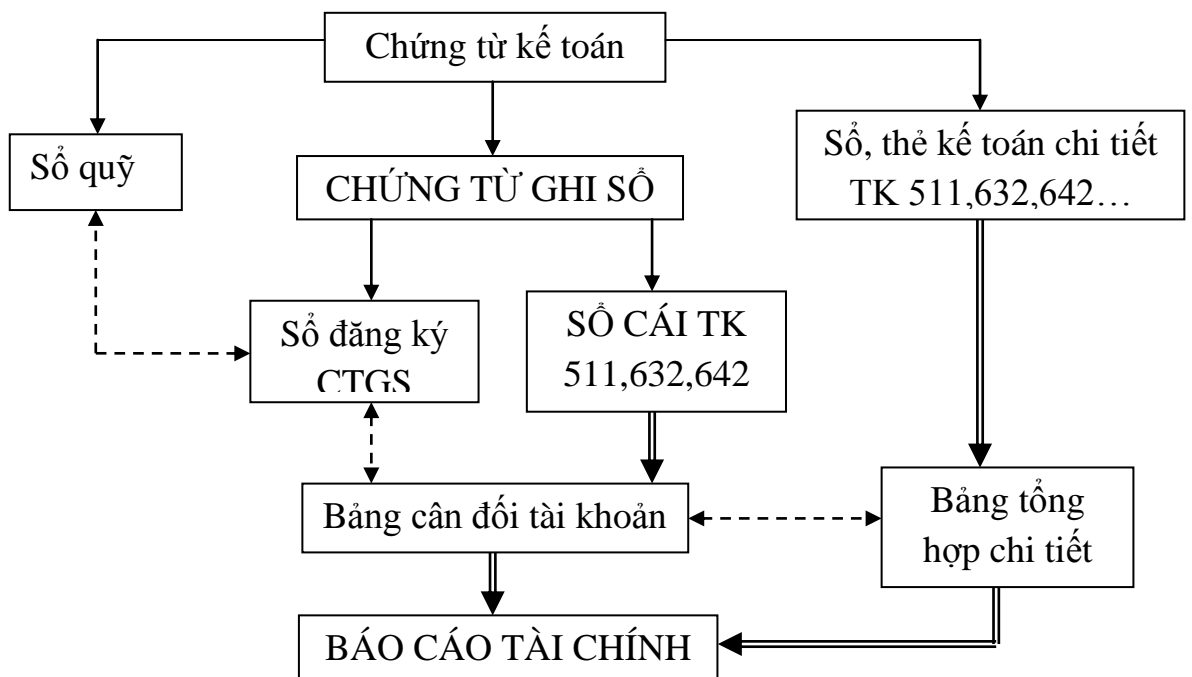
Sơ đồ số 12 – Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



1.3.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái tài khoản.
- Ưu điểm: Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.
- Nhược điểm: ghi chép còn trùng lặp, số lượng ghi chép nhiều.

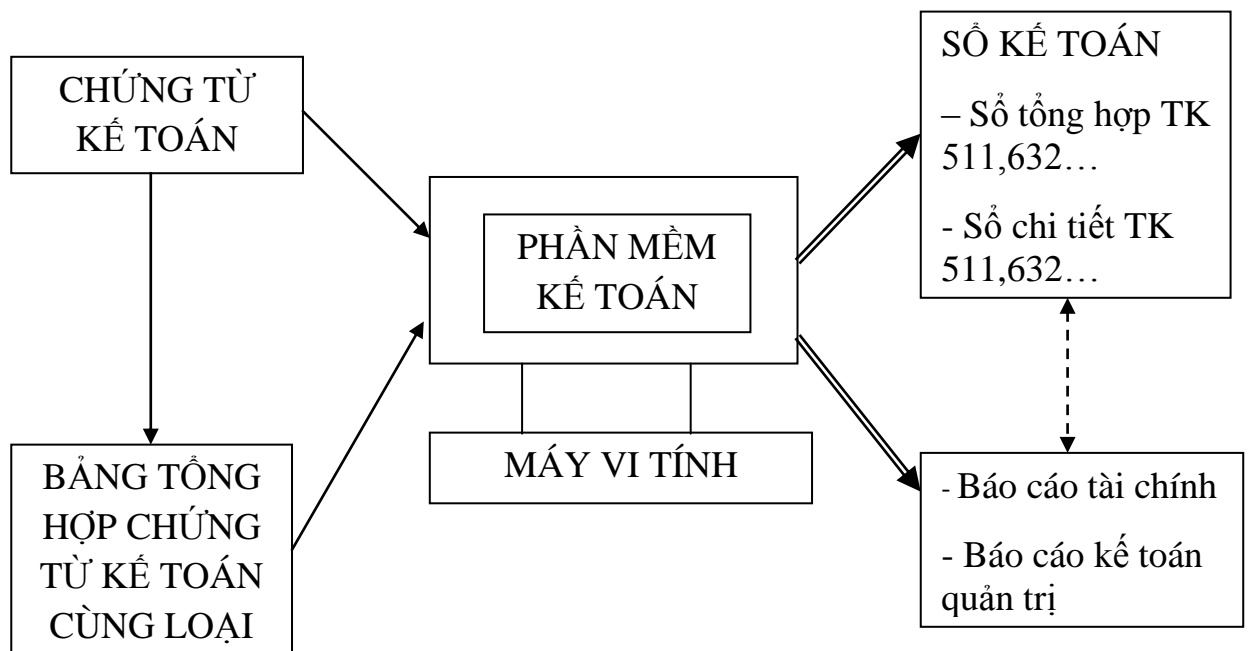
Sơ đồ số 13 – Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



1.3.5. Hình thức kế toán trên máy tính:

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầu đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ số 14 – Trình tự kế toán theo hình thức trên máy tính



CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP GIẤY MỸ HƯƠNG

2.1. Khái quát chung về công ty CP giấy Mỹ Hương

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển:

Hải Phòng là thành phố cảng có vị trí quan trọng ở khu vực tỉnh miền duyên hải, cảng biển được xác định là đầu mối giao thông, là điểm nút quan trọng của lưu thông hàng hóa, là nơi chứa đựng nhiều tiềm năng về ngư nghiệp và công nghiệp. Vì vậy tháng 12 năm 1997, chính thức chuyển đổi từ hợp tác xã cổ phần giấy Ngọc Đạt sang công ty CP giấy Mỹ Hương, các trang thiết bị và máy móc hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc gia. Từ đó công ty CP giấy Mỹ Hương đã sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng hoàn hảo và phù hợp với nhu cầu của Việt Nam cũng như cung cấp cho khách hàng những mặt hàng tốt nhất luôn là ưu tiên số 1 của công ty CP giấy Mỹ Hương. Từ thừa hưởng từ hợp tác xã CP giấy Ngọc Đạt 20 năm kinh nghiệm cũng như công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực sản xuất giấy Kraft. Những bí quyết cho phép công ty có thể vượt đối thủ cạnh tranh và dần chiếm lĩnh thị trường lại chính là sản xuất ra những sản phẩm đạt tiêu chuẩn công nghệ tương đương với những sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực. Hơn nữa với chính sách không ngừng cải tiến trong công nghệ và quản lý đã giúp cho công ty giảm đáng kể chi phí sản xuất cho phép các sản phẩm của Mỹ Hương có mặt bằng giá cạnh tranh so với giá giấy cùng loại của các hãng giấy khác trên thị trường. Để giữ vững và phát triển thương hiệu công ty còn dành cho khách hàng của mình một dịch vụ hậu mãi tốt nhất.

Văn phòng công ty được đặt tại 110 – Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng. Đây là vị trí hết sức thuận lợi cho việc quảng cáo sản phẩm hàng hóa. Hơn nữa ở vị trí này công ty có thể tiếp thị toàn bộ sản phẩm của mình cho các đơn vị trên toàn thành phố.

2.1.2. Lao động:

Hiện tại công ty có gần 300 cán bộ công nhân viên, trong đó

- Trên 10% cán bộ có trình độ đại học
- Trên 20% cán bộ biết từ 1 đến 2 ngoại ngữ.
- Lương bình quân của mỗi cán bộ công nhân viên là 1.500.000 đồng/người.

Họ đều là những người có kinh nghiệm và năng động trong công việc luôn luôn hoàn thành các kế hoạch đề ra, đảm bảo cung cấp đầy đủ hàng hóa cho khách hàng với giá cả cạnh tranh nhất.

2.1.3. Công nghệ:

Công ty CP giấy Mỹ Hương có diện tích nhà xưởng rộng trên 10.000 km², kho tàng bãi bãi được quy hoạch phù hợp với địa thế và mặt bằng sản xuất kinh doanh của công ty, ở các phòng ban đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Mỗi phòng ban đều có đầy đủ máy Fax, máy in, máy foto,....

Xưởng sản xuất với 02 máy chạy giấy Kraft công nghệ Đài Loan được trang bị hiện đại với 01 máy chạy giấy bao gói do Giám đốc công ty và các công nhân kỹ thuật cao có trình độ tiên tiến về công nghệ giấy sang tạo và thiết kế hoàn thiện. Công ty luôn tham gia các hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế. hiện nay công ty đang cố gắng mở rộng hơn nữa mối qua hệ hợp tác với nhiều khách hàng trong nước và quốc tế.

2.1.4. Chức năng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty

- Mặt hàng sản xuất: Giấy in, giấy bao gói, giấy màu.
- Nội dung và nhiệm vụ sản xuất:
 - + Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh.
 - + Kinh doanh đúng mặt hàng đã đăng ký và luôn luôn nâng cao chất lượng mặt hàng này.
 - + Bảo toàn và phát triển số vốn được giao và tăng từ từ trong từng thời kỳ, đảm bảo cho quá trình sản xuất và kinh doanh của công ty.

- + Thực hiện các nghĩa vụ về chỉ tiêu giao nộp ngân sách của Nhà nước.
- + Thực hiện các chính sách phân phối theo lao động trong chính sách tiền lương, tiền thưởng, thu nhập của CBCNV, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên chức, tổ chức đào tạo nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, bồi dưỡng tay nghề cho công nhân, cải thiện điều kiện làm việc cho các bộ phận làm việc nặng, độc hại.

Một số chỉ tiêu tài chính trong 2 năm 2008, 2009

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Đ.vị	Chênh lệch	
				Số	%
Tổng doanh thu	17.892.360.200	19.869.646.160	Đồng	1.977.285.960	11,05
Tổng giá trị sản lượng	1.988.040	2.136.521	Kg	148.481	7,5
Số lao động	230	295	Người	65	28,26
Nộp ngân sách Nhà nước	7.850.435.100	9.300.537.850	Đồng	1.153.102.750	14,69

(Nguồn tài liệu: trích Báo cáo tài chính năm 2009)

Nhận xét: Nhìn vào bảng kết quả kinh doanh của công ty qua 2 năm ta thấy:

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2009 tăng **1.977.285.960đ** tương đương tỷ lệ **11,05%**. Sản lượng tăng **148.481** tấn tương đương tỷ lệ **7,5%** so với năm 2008 có được điều này là do công ty đã mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, gia tăng khách hàng do công ty làm ăn uy tín.

- Tổng giá trị sản lượng tăng kéo theo số lao động tăng để đáp ứng nhu cầu sản xuất gia tăng của công ty. Việc tuyển thêm lao động góp phần giải quyết vấn đề việc làm cho nhiều lao động thất nghiệp.

- Khoản nộp ngân sách Nhà nước năm 2009 so với năm 2008 tăng **1.153.102.750đ** tương đương tỷ lệ **14,69%**.

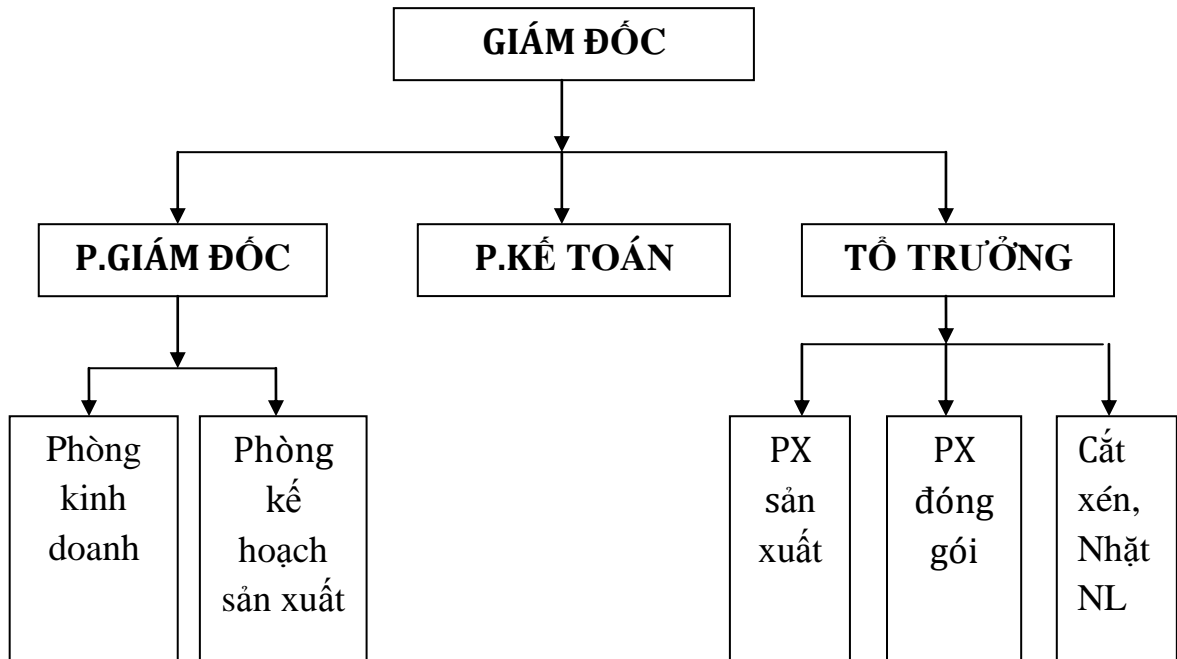
- Từ kết quả trên đã nói lên sự cố gắng của công ty trong tổ chức hoạt động kinh doanh. Cùng với xu hướng phát triển của nền kinh tế sẽ tạo điều kiện thuận

lợi cho công ty thúc đẩy hoạt động kinh doanh đem lại hiệu quả cao, tạo thương hiệu và ngày càng phát triển ổn định.

2.1.5. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty CP giấy Mỹ Hương

Cơ cấu tổ chức của công ty thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ số 15 - Sơ đồ bộ máy tổ chức của công ty



Chức năng nhiệm vụ các phòng ban:

➤ **Giám đốc:**

Quản lý mọi hoạt động của công ty, soạn thảo công bố chính sách, chiến lược chịu trách nhiệm cao nhất đối với chất lượng sản phẩm, phân công trách nhiệm quyền hạn cho các cán bộ lãnh đạo từ cấp trưởng phòng trở lên, sắp xếp, bố trí các bộ, tổ chức sản xuất theo yêu cầu của hệ thống chất lượng. Tổ chức chỉ đạo, phê duyệt các báo cáo, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

➤ **Phó giám đốc:**

Thay mặt giám đốc trong công tác thực hiện chiến lược kinh doanh, lập kế hoạch sản xuất và phát triển thị trường.

➤ **Kế toán:**

- Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư, thiết bị, tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh của công ty, báo cáo quyết toán tài chính quý, năm trình giám đốc phê duyệt và báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan.

- Thực tế chi trả các khoản lương và các chính sách khác đến tay người lao động.

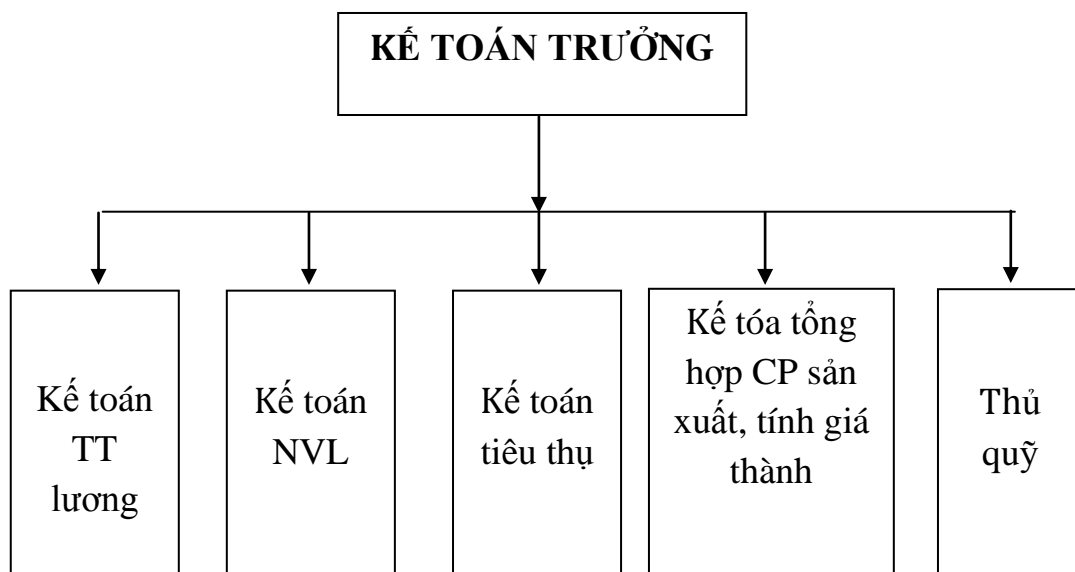
➤ **Tổ trưởng:**

Chịu trách nhiệm về công tác sản xuất tại phân xưởng sản xuất.

2.1.6. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP giấy Mỹ Hương

Sơ đồ số 16

Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty



Bộ máy kế toán của công ty phải đảm bảo những yêu cầu sau :

-Cung cấp đủ vốn cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng kế hoạch đề ra.

-Tổ chức thanh toán các khoản thu chi về nghiệp vụ kinh doanh của các khoản thu chi khác.

-Thu, nộp đầy đủ các khoản thuế, lệ phí theo ngân sách.

-Thiết lập, luân chuyển chứng từ, ghi chép sổ sách, lập báo cáo kế toán theo đúng chế độ, thể lệ kế toán hiện hành.

-Phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh doanh, chi phí thu mua, giá thành sản phẩm, lãi, lỗ...

Chức năng, nhiệm vụ của các nhân viên kế toán

➤ Kế toán trưởng :là người có quyền hạn cao nhất trong bộ máy kế toán. Định kỳ kế toán trưởng phân tích tình hình kế toán, lập báo cáo tài chính, xét duyệt các chứng từ chỉ tiêu phục vụ cho công việc sản xuất kinh doanh.

- Phân công, phân quyền cho CBCNV phòng kế toán để thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Tài chính – kế toán.

- Thiết lập các mối quan hệ phối hợp nội bộ và giữa các phòng ban để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Tham gia các hoạt động điều hành kế toán tài chính của công ty.

- Tổ chức công tác hạch toán kế toán, kiểm tra kiểm soát các chứng từ, sổ sách, báo cáo số liệu, dữ liệu theo quy định của công ty, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời.

- Phân tích và đánh giá hiệu quả kinh doanh và hoạt động tài chính của công ty. Tham mưu với ban Giám đốc các chính sách kinh doanh, công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

- Chịu trách nhiệm về việc lập, ký, tính chính xác của các báo cáo kế toán và gửi báo cáo kế toán đúng thời gian quy định của Công ty và pháp lệnh kế toán thống kê

➤ Kế toán thanh toán lương :

Theo dõi, ghi chép và phản ánh đầy đủ, kịp thời về số lượng, chất lượng, thời gian và kết quả lao động. Tính toán các khoản tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ và các khoản trợ cấp khác phải trả cho CBCNV.

➤ Kế toán nguyên vật liệu :

- Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu sản xuất và sử dụng chung.

- Tính toán nguyên vật liệu cho kế hoạch sản xuất.

➤ Kế toán tiêu thụ:

Theo dõi việc tiêu thụ sản phẩm, theo dõi việc thanh toán với người mua, người bán, ngân sách.

➤ Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành:

Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

➤ Thủ quỹ :

Nhiệm vụ thu chi và tính toán chính xác số tiền tồn quỹ, nhập tiền và nộp tiền theo yêu cầu của công tác quản lý theo đúng chế độ quy định. Thực hiện đúng nguyên tắc về quản lý tiền mặt của công ty.

2.1.7. Đặc điểm vận dụng chế độ chính sách kế toán tại công ty CP giấy Mỹ Hương

* Chế độ kế toán :

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/03/2006

-Tính thuế theo phương pháp khấu trừ

-Niên độ kế toán : từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.

-Đơn vị tiền tệ : VNĐ

* Phương pháp hạch toán hàng tồn kho :

- Phương pháp kê khai thường xuyên. Trong đó phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho là phương pháp ghi chép phản ánh thường xuyên liên tục và có hệ thống tình hình Nhập-Xuất-Tồn.

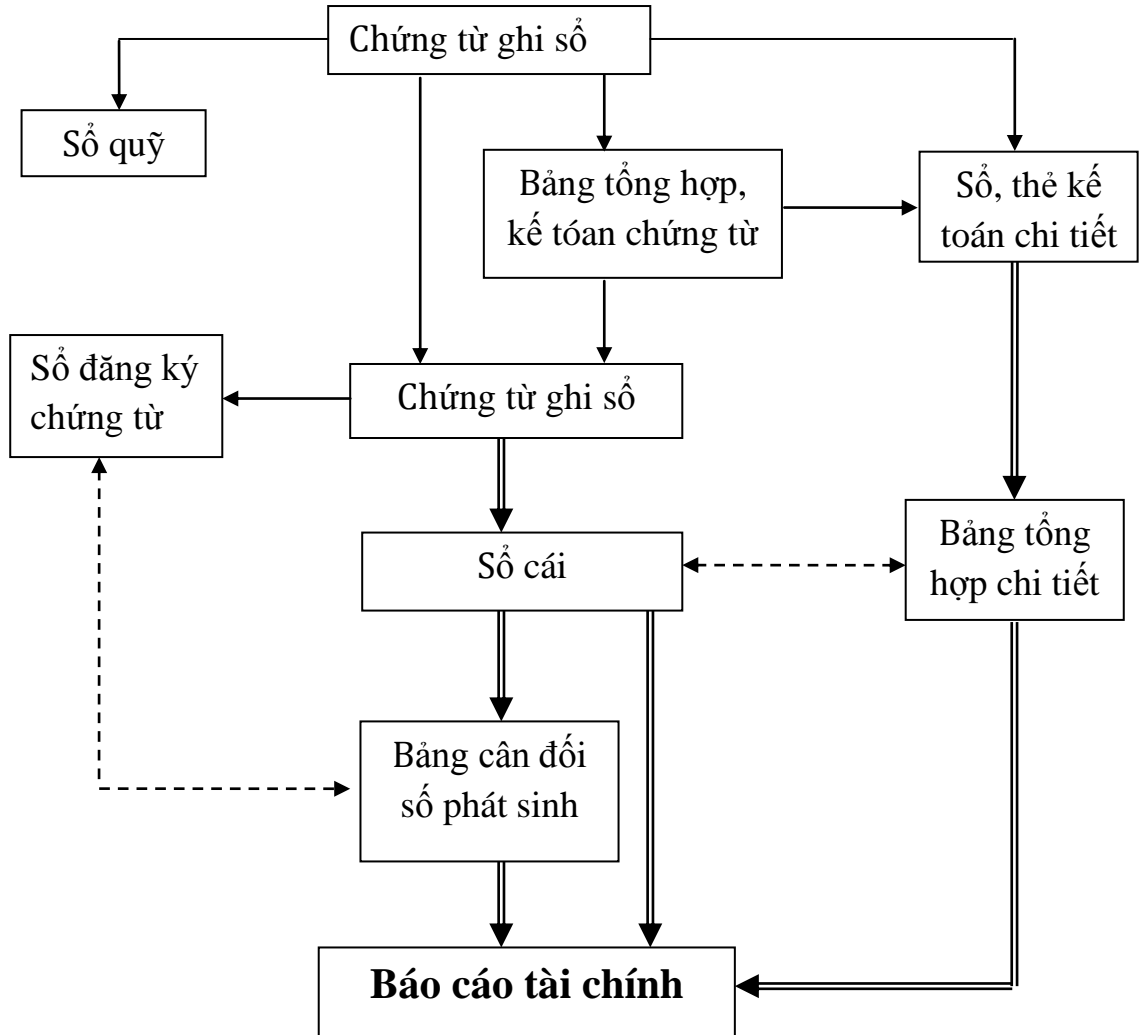
- Công ty tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp : bình quân liên hoàn

* Đặc điểm hình thức sổ sách kế toán :

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ số 17

Trình tự kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng ══════>
- Đối chiếu, kiểm tra - - - - ->

Trình tự ghi chép kế toán theo hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ :

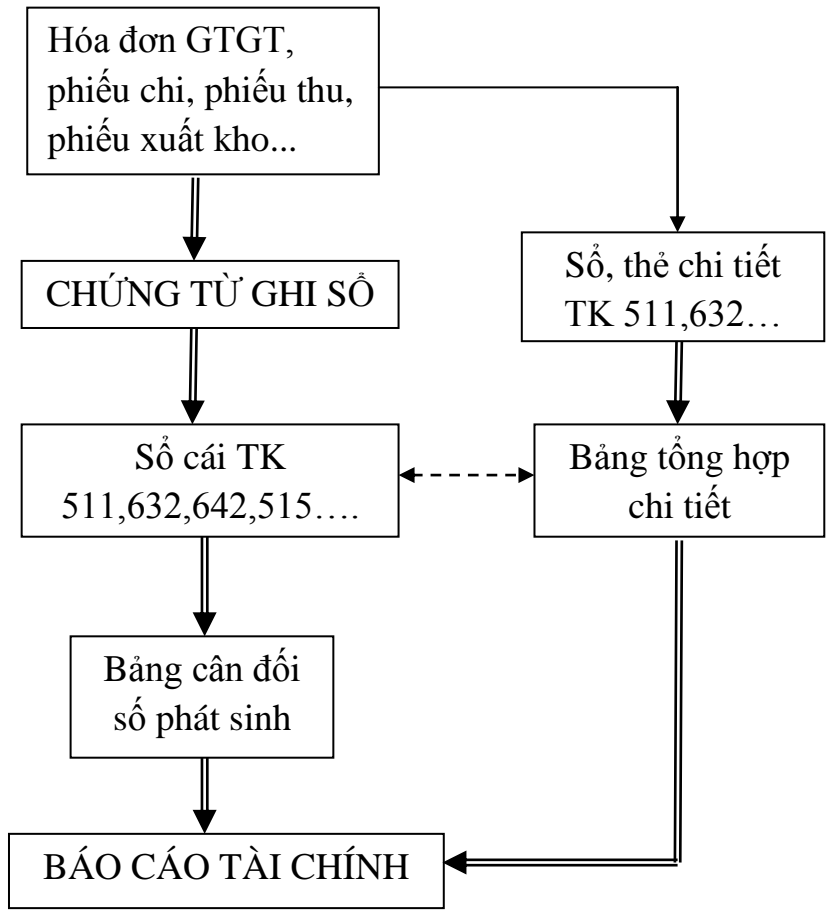
- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng Hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ Chứng từ ghi sổ để ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi Sổ Cái, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ Sổ cái lập bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ số 18 – Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP giấy Mỹ Hương



Ghi chú :

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng, cuối quý : \Longrightarrow

Đối chiếu : \longleftrightarrow

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP giấy Mỹ Hương.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng :

❖ Đặc điểm về doanh thu

✓ Các phương thức bán hàng :

Công ty CP giấy Mỹ Hương áp dụng 2 hình thức bán hàng :

- Bán buôn : hàng hóa được bán theo lô hoặc theo khối lượng lớn. Hình thức bán buôn mà công ty áp dụng là hình thức bán buôn qua kho : theo phương thức giao hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng.

- Bán lẻ : là hình thức bán hàng với số lượng nhỏ. Hình thức bán lẻ công ty áp dụng là hình thức bán lẻ trực tiếp.

✓ **Phương thức thanh toán với người mua, người bán :**

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt.

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thanh toán chậm : Việc giao hàng và thanh toán tiền hàng có một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào thỏa thuận giữa hai bên.

❖ **Chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán sử dụng :**

✓ **Chứng từ kế toán sử dụng :**

+ Hóa đơn GTGT

Mẫu 01 GTGT-3 LL

+ Phiếu thu

Mẫu số 01-TT

✓ **Sổ sách kế toán sử dụng :**

+ Báo cáo bán hàng

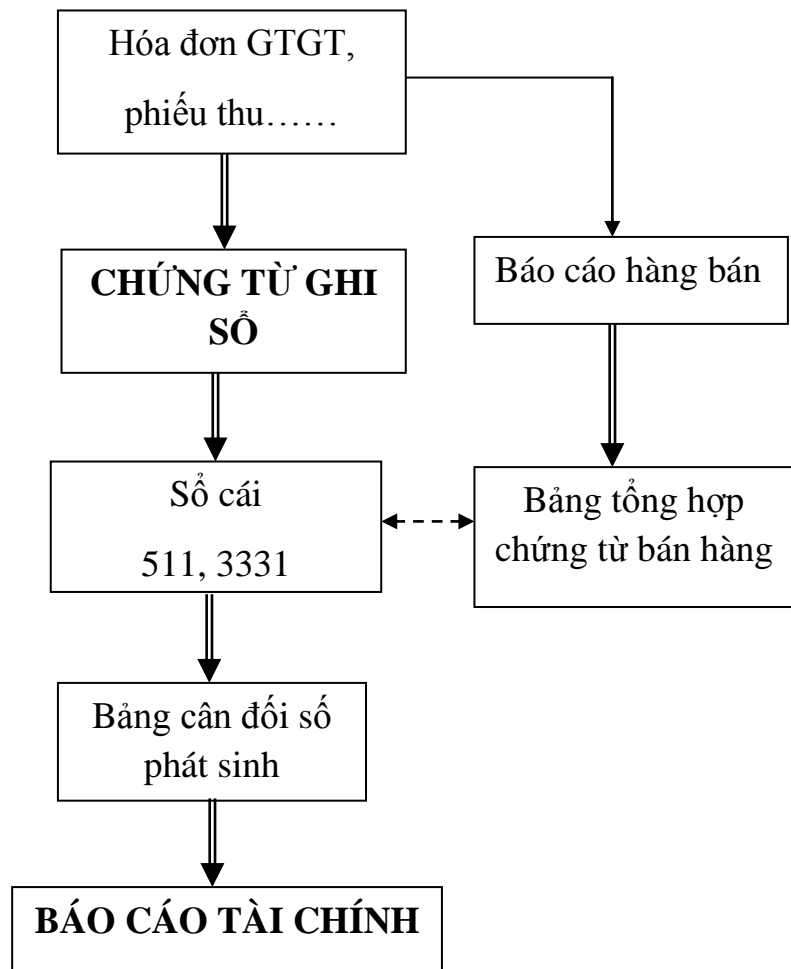
+ Chứng từ ghi sổ

+ Sổ cái TK 511

✓ **Tài khoản sử dụng :**

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Sơ đồ số 13 - Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, cuối quý: \Longrightarrow

Đối chiếu: \longleftrightarrow

VD minh họa :

Nghiệp vụ phát sinh quý 4 năm 2009, kế toán doanh thu bán hàng :

Ngày 11 tháng 12 năm 2009 cty CP giấy Mỹ Hương bán giấy Kraft cho cty TNHH An Tiến Đạt theo hóa đơn GTGT số 0081884

Tổng cộng tiền hàng : 9.300.000

Thuế GTGT đầu ra (10%) : 930.000

Tổng tiền thanh toán : 10.230.000

Công ty thanh toán bằng tiền mặt

Cụ thể kế toán doanh thu gồm các mẫu biểu sau :

- + Biểu số 2.1 : Hóa đơn giá trị gia tăng liên 3 số 0081884
- + Biểu số 2.2 : Phiếu thu số 535
- + Biểu số 2.3 : Báo cáo bán hàng
- + Biểu số 2.4 : Bảng tổng hợp chứng từ bán hàng thu tiền mặt
- + Biểu số 2.5 : Bảng tổng hợp chứng từ bán hàng thu TGNH
- + Biểu số 2.6 : Chứng từ ghi sổ số 594
- + Biểu số 2.7 : Chứng từ ghi sổ số 602
- + Biểu số 2.8 : Sổ cái TK 511

Biểu số 2.1

HÓA ĐƠN

Mẫu số : 01 GTKT - 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

NL/2009B

Liên 3 : Nội bộ

0081884

Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng :

Địa chỉ :

Công ty CP giấy Mỹ Hương

Số tài khoản :

110 – Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng

Điện thoại :MS :

MST: **0 2 0 0 7 4 7 3 1 0**

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : Công ty TNHH An Tiến Đạt

Địa chỉ : An Đồng – An Dương – Hải Phòng

Số tài khoản :

Hình thức thanh toán : TM MS : **0 2 0 0 7 4 4 3 6 6**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
	Giấy Kraft	Kg	1000	9.300	9.300.000

Cộng tiền hàng : 9.300.000

Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT : 930.000

Tổng cộng tiền thanh toán : 10.230.000

Số tiền viết bằng chữ : *mười triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng chẵn*

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2

Đơn vị: Công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số 01-TT

Địa chỉ: 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU THU

Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Quyển số : 24

Số : 535

Nợ : 111

Có : 511, 3331

Họ và tên người nộp tiền:.....

Địa chỉ: công ty TNHH An Tiến Đạt.....

Lý do nộp:..... thu tiền hàng giấy Kraft.....

Số tiền: 10.230.000...(Viết bằng chữ): *mười triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo:01... **Chứng từ gốc:** HĐGTGT số 0081884.....

..... **Đã nhận đủ số tiền** (Viết bằng chữ): *mười triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.*

Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Giám đốc (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người nộp tiền (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
---------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) :.....

+ Số tiền quy đổi :.....

Biểu số 2.3

Đơn vị : Công ty CP giấy Mỹ Hương

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

BÁO CÁO HÀNG BÁN

Trích tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Tên người mua	Mặt hàng	Đơn giá	Phần xuất bán			Phần thanh toán			
Số HĐ	NT				SL (kg)	Doanh số chưa VAT	Tổng cộng thanh toán	Tiền hàng đã thanh toán		Tiền hàng chưa thanh toán	
								Doanh số chưa VAT	Thuế GTGT	Doanh số chưa VAT	Thuế GTGT
.....
0081883	8/12	Cty CP Thịnh Hưng	Giấy Duplex	10.020	3500	35.070.000	38.577.000			102.070.000	3.507.000
0081884	11/12	Cty TNHH An Tiên Đạt	Giấy Kraft	9.300	1000	9.300.000	10.230.000	9.300.000	930.000		
0081885	14/12	Cty TNHH TM và DV Phước Thịnh	Giấy Kraft	9300	2300	21.390.000	23.529.000			71.390.000	2.139.000
0081886	18/12	Theo đơn đặt hàng	Giấy Kraft	9.300	5640	52.452.000	57.697.200	52.452.000	5.245.200		
0081887	20/12	Cty TNHH Trường Sơn	Giấy Kraft	9.300	1490	13.857.000	15.242.700	13.857.000	1.385.700		
.....
		Tổng				449.383.500	44.938.350	275.923.500	27.592.350	173.460.000	17.346.000

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.4

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ BÁN HÀNG THU TIỀN MẶT

Tháng 12 năm 2009

Ghi nợ TK 111 và ghi có các TK 511, 3331

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền (Nợ 111)	Ghi nợ TK 111 có các TK liên quan	
	Số hóa đơn	NT			511	3331
1	0081884	11/12	Xuất bán cho cty TNHH An Tiến Đạt	10.230.000	9.300.000	930.000
2	0081886	18/12	Xuất bán theo đơn đặt hàng	57.697.200	52.452.000	5.245.200
3	0081888	22/12	Xuất bán lẻ tháng 12	132.677.050	120.615.500	12.061.550
	Tổng			200.604.250	182.367.500	18.236.750

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.5

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ BÁN HÀNG THU TGNH

Tháng 12 năm 2009

Ghi nợ TK 112 và ghi có các TK 511, 3331

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số tiền (Nợ 112)	Ghi nợ TK 112 có các TK liên quan	
	Số hóa đơn	NT			511	3331
1	0081882	3/12	Xuất bán cho cty CP Đại Dương	26.565.000	24.150.000	2.415.000
2	0081887	20/12	Xuất bán cho cty TNHH Trường Sơn	15.242.700	13.857.000	1.385.700
3	0081890	29/12	Xuất bán cho cty CP Namyang	61.103.900	55.549.000	5.554.900
	Tổng			102.911.600	93.556.000	9.355.600

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.7

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 602

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
PT 533	3/12	Thu tiền hàng của Đại Dương	112	511	24.150.000	
PT 534	8/12	Thu tiền hàng của Thịnh Hưng	131	511	102.070.000	
PT 535	11/12	Thu tiền hàng của An Tiến Đạt	111	511	9.300.000	
PT 536	14/12	Thu tiền hàng của Phước Thịnh	131	511	71.390.000	
PT 537	18/12	Thu tiền theo đơn đặt hàng	111	511	52.452.000	
PT 538	20/12	Thu tiền hàng của Trường Sơn	112	511	13.857.000	
PT 539	22/12	Thu tiền hàng bán lẻ T12	111	511	120.615.500	
PT 540	29/12	Thu tiền hàng của Namyang	112	511	55.549.000	
		Cộng			449.383.500	

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.6

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 594

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
PT 533	3/12	Thuế GTGT đầu ra	112	3331	2.415.000	
PT 534	8/12	Thuế GTGT đầu ra	131	3331	10.207.000	
PT 535	11/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	930.000	
PT 536	14/12	Thuế GTGT đầu ra	131	3331	7.139.000	
PT 537	18/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	5.245.200	
PT 538	20/12	Thuế GTGT đầu ra	112	3331	1.385.700	
PT 539	22/12	Thuế GTGT đầu ra	111	3331	12.061.550	
PT 540	29/12	Thuế GTGT đầu ra	112	3331	5.554.900	
		Cộng			44.938.350	

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.8

Đơn vị : Công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02 c1-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính : ĐVN

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Quý 4/2009				
			<u>Tháng 10/2009</u>				
31/10	576	31/10	Doanh thu bán hàng thu tiền mặt	111	280.300.450		
			Doanh thu bán hàng thu TGNH	112	189.300.200		
			Doanh thu bán hàng chưa thu tiền	131	80.362.500		
			Kết chuyển doanh thu T10	911		549.963.150	
			Cộng PS T10/2009		549.963.150	549.963.150	
			<u>Tháng 11/2009</u>				
30/11	590	30/11	Doanh thu bán hàng thu tiền mặt	111	250.360.462		
			Doanh thu bán hàng thu TGNH	112	128.900.210		
			Doanh thu bán hàng chưa thu tiền	131	81.672.678		
			Kết chuyển doanh thu T11	911		260.933.350	
			Cộng PS T11/2009		460.933.350	460.933.350	
31/12	602	31/12	Doanh thu bán hàng thu tiền mặt	111	182.367.500		
			Doanh thu bán hàng thu TGNH	112	93.556.000		
			Doanh thu bán hàng chưa thu tiền	131	173.460.000		
			Kết chuyển doanh thu T12	911		449.383.500	
			Cộng PS T12/2009		449.383.500	449.383.500	
			Cộng PS quý 4/2009		1.460.280.000	1.460.280.000	

Ngày...tháng....năm 2009

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán :

❖ Phương pháp tính trị giá thực tế xuất kho :

Công ty CP giấy Mỹ Hương thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng hóa của công ty ngoài việc phản ánh về mặt giá trị thì được quản lý chi tiết nhằm đảm bảo khớp đúng với giá trị và hiện vật. Tất cả hàng hóa khi nhận đều phải được kiểm kê cả về mặt số lượng và chất lượng, cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê xác định số hàng hóa tồn kho thực tế thực hiện đối chiếu giữa sổ kế toán và thẻ kho, giữa số liệu trên sổ kế toán với thực tế tồn kho. Hạch toán Nhập-Xuất-Tồn kho hàng hóa phải theo giá thực tế.

Công ty CP giấy Mỹ Hương kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song.

Hàng hóa xuất kho công ty áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn :

$$\text{Trị giá hàng hóa xuất kho} = \frac{\text{số lượng hàng hóa xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập}} *$$

Trong đó giá đơn vị bình quân được tính như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế sau mỗi lần nhập}}$$

❖ Chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán sử dụng

✓ **Chứng từ sử dụng :**

- Phiếu xuất kho

✓ **Sổ sách sử dụng :**

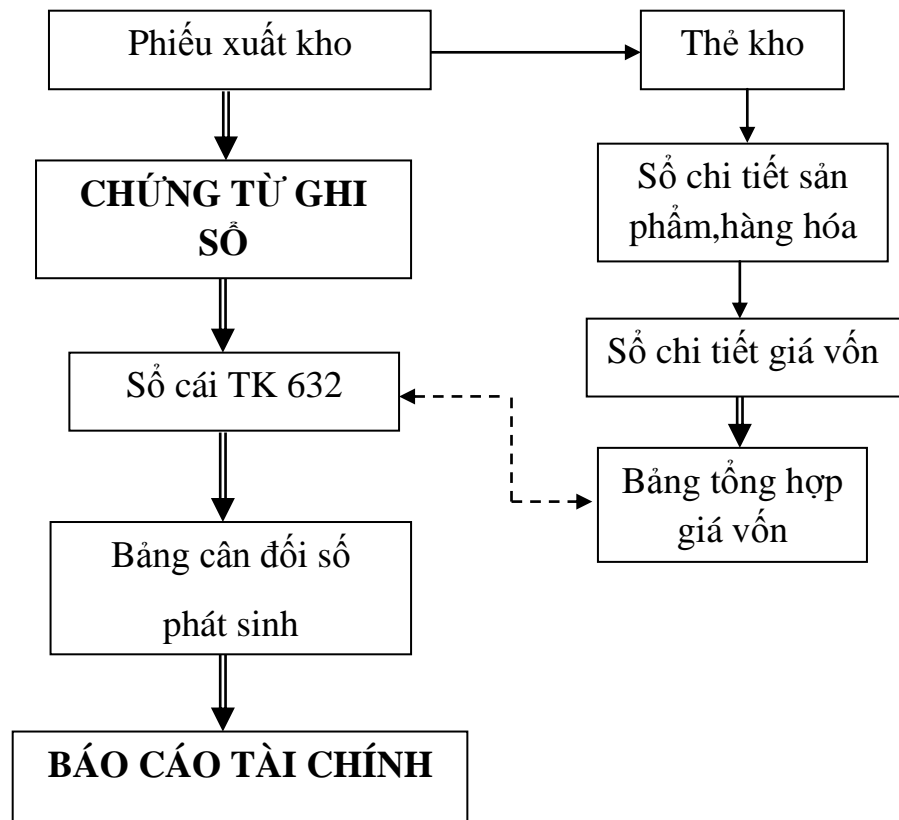
- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 632

✓ **Tài khoản sử dụng :**

- Tài khoản 632 - giá vốn hàng bán

✓ Quy trình hạch toán

Sơ đồ số 20 - quy trình hạch toán giá vốn hàng bán



Ghi chú :

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng, cuối quý : \Longrightarrow

Đối chiếu : \longleftrightarrow

Trình tự hạch toán nghiệp vụ giá vốn phát sinh :

VD : căn cứ hóa đơn GTGT số 0081884 ở VD phần doanh thu bán hàng phát sinh ngày 11/12/2009 và phiếu xuất kho số 339, kế toán ghi các sổ sách sau :

- + Biểu số 2.9 : Phiếu xuất kho
- + Biểu số 2.10 : Thẻ kho
- + Biểu số 2.11 : Sổ chi tiết thành phẩm, hàng hóa
- + Biểu số 2.12 : Sổ chi tiết giá vốn hàng bán
- + Biểu số 2.13 : Bảng tổng hợp giá vốn
- + Biểu số 2.14 : chứng từ ghi sổ số 604 – tập hợp giá vốn hàng bán
- + Biểu số 2.15 : sổ cái TK 632 – giá vốn hàng bán

Biểu số 2.9

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Theo QĐ 15/2006QĐ-BTC

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của BTC

PHẪU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Số 339

Nợ TK 632 : 7.490.000

Có TK 155 : 7.490.000

Họ tên người nhận : Đỗ Mai Lan

Đơn vị : Công ty TNHH An Tiến Đạt

Lý do uất : xuất bán

Xuất tại kho : 02-kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất VT	Mã số	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Giấy Kraft		Kg	1000	1000	7.490	7.490.000
	Cộng tiền hàng						7.490.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ) :

Số chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu số 2.10

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương
Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

Mẫu số S12 - DN
Ban hành theo QĐ 15/2006QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của BTC

THẺ KHO
Tháng 12 năm 2009

Tên vật tư, quy cách vật tư : giấy bao gói
Mã số vật tư :

Tên kho : Mỹ Hương
Đơn vị tính : kg

STT	NTCT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày N-X	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				SDDK (T12/2009)				5600	
1	3/12		PX 337	Xuất giấy Duplext bán	3/12		2300	3300	
2	5/12	PN 245		Nhập kho giấy Kraft từ sx	5/12	8950		12250	
3	8/12		PX 338	Xuất giấy Duplext bán	8/12		3500	8750	
4	11/12		PX 339	Xuất giấy Kraft bán	11/12		1000	7750	
5	12/12	PN 449		Nhập kho giấy Duplext từ sx	12/12	10000		17750	
6	14/12		PX 340	Xuất giấy Kraft bán	14/12		2300	15450	
7	18/12		PX 341	Xuất giấy Kraft bán	18/12		5640	9810	
8	20/12		PX 342	Xuất giấy Kraft bán	20/12		1490	8320	
9	22/12	PN 451		Nhập giấy Kraft từ sx	22/12	22300		30620	
10	22/12		PX 343	Xuất giấy Duplext bán	22/12		11500	19120	
11	29/12		PX 344	Xuất giấy Dplexk bán	29/12		5290	13830	
				Cộng PS		41250	33020		
				SDCK				13830	

Biểu số 2.11

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tên sản phẩm : giấy bao gói

Tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : Kg

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày				SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
		<u>SDDK T12/2009</u>							<u>5600</u>	<u>44.890.000</u>
PX 337	3/12	Xuất giấy Duplext bán	632	8.450			2300	19.435.000	3300	25.455.000
PN 245	5/12	Nhập kho giấy Kraft từ sx	154	7.490	8950	67.035.500			12250	92.490.500
PX 338	8/12	Xuất giấy Duplext bán	632	8.450			3500	29.575.000	8750	62.915.500
PX 339	11/12	Xuất giấy Kraft bán	632	7.490			1000	7.490.000	7750	55.425.500
PN 449	12/12	Nhập kho giấy Duplext từ sx	154	8.450	10000	84.500.000			17750	139.925.500
PX 340	14/12	Xuất giấy Kraft bán	632	7.490			2300	17.227.000	15450	122.698.500
PX 341	18/12	Xuất giấy Kraft bán	632	7.490			5640	42.243.600	9810	80.454.900
PX 342	20/12	Xuất giấy Kraft bán	632	7.490			1490	11.160.100	8320	69.294.800
PN 451	22/12	Nhập giấy Kraft từ sx	154	7.490	22300	167.027.000			30620	236.321.800
PX 343	22/12	Xuất giấy Duplext bán	632	8.450			11500	97.175.000	19120	139.146.800
PX 344	29/12	Xuất giấy Dplexk bán	632	8.450			5290	44.700.500	13830	94.446.300
		Cộng PS			41250	318.562.500	33020	269.006.200		
		<u>SDCK</u>							<u>13830</u>	<u>94.446.300</u>

Biểu số 2.12

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK : 632

Tên sản phẩm : giấy bao gói

Tháng 12 năm 2009

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán			
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
3/12	PX 337	3/12	Xuất giấy Duplext bán	155	2300	8.450	19.435.000	
8/12	PX 338	8/12	Xuất giấy Duplext bán	155	3500	8.450	29.575.000	
11/12	PX 339	11/12	Xuất giấy Kraft bán	155	1000	7.490	7.490.000	
14/12	PX 341	14/12	Xuất giấy Kraft bán	155	2300	7.490	17.227.000	
18/12	PX 343	18/12	Xuất giấy Kraft bán	155	5640	7.490	42.243.600	
20/12	PX 344	20/12	Xuất giấy Kraft bán	155	1490	7.490	11.160.100	
22/12	PX 345	22/12	Xuất giấy Duplext bán	155	11500	8.450	97.175.000	
29/12	PX 347	29/12	Xuất giấy Dplexk bán	155	5290	8.450	44.700.500	
			Cộng PS				269.006.200	

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.13 :

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tài khoản : 632

Tháng 12 năm 2009

STT	Sản phẩm	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán
1	Giấy bao gói	155	269.006.200
2	Giấy in	155	91.311.720
3	Giấy màu	155	12.346.780
	Cộng		372.664.700

Biểu số 2.14

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 604

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
Số	Ngày		Nợ	Có		
PX 337	3/12	Giá vốn giấy Duplext	632	155	19.435.000	
PX 338	8/12	Giá vốn giấy Duplext	632	155	29.575.000	
PX 339	11/12	Giá vốn giấy Kraft	632	155	7.490.000	
PX 340	12/12	Giá vốn giấy in	632	155	55.600.900	
PX 341	14/12	Giá vốn giấy Kraft	632	155	17.227.000	
PX 342	16/12	Giá vốn giấy màu	632	155	12.346.780	
PX 343	18/12	Giá vốn giấy Kraft	632	155	42.243.600	
PX 344	20/12	Giá vốn giấy Kraft	632	155	11.160.100	
PX 345	22/12	Giá vốn giấy Duplext	632	155	97.175.000	
PX 346	27/12	Giá vốn giấy in	632	155	35.710.820	
PX 347	29/12	Giá vốn giấy Dplex	632	155	44.700.500	
		Cộng			372.664.700	

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.15

Đơn vị : Công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02 c1-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính : ĐVN

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Quý 4/2009				
			<u>Tháng 10/2009</u>				
31/10	459	31/10	Giá vốn hàng xuất bán	155	280.241.741		
			Kết chuyển giá vốn	911		280.241.741	
			Cộng PS T10/2009		280.241.741	280.241.741	
			<u>Tháng 11/2009</u>				
30/11	520	30/11	Giá vốn hàng xuất bán	155	170.241.730		
			Kết chuyển giá vốn	911		170.241.730	
			Cộng PS T11/2009		170.241.730	170.241.730	
			<u>Tháng 12/2009</u>				
31/12	604	31/12	Giá vốn hàng xuất bán	155	372.664.700		
			Kết chuyển giá vốn	911		372.664.700	
			Cộng PS T12/2009		372.664.700	372.664.700	
			Cộng PS quý 4/2009		823.148.171	823.148.171	

Ngày...tháng....năm 2009

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp :

❖ Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty :

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp. Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp gồm : chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý, và các chi phí khác bằng tiền phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp...

Chi phí quản lý của công ty gồm :

- Chi phí nhân viên : lương và các khoản trích theo lương
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí khác.

❖ Chứng từ, sổ sách, tài khoản kế toán sử dụng

✓ Chứng từ sử dụng :

- Các chứng từ thanh toán như : phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng.

- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương, bảng thanh toán lương, bảng trích khấu hao.

✓ Sổ sách sử dụng :

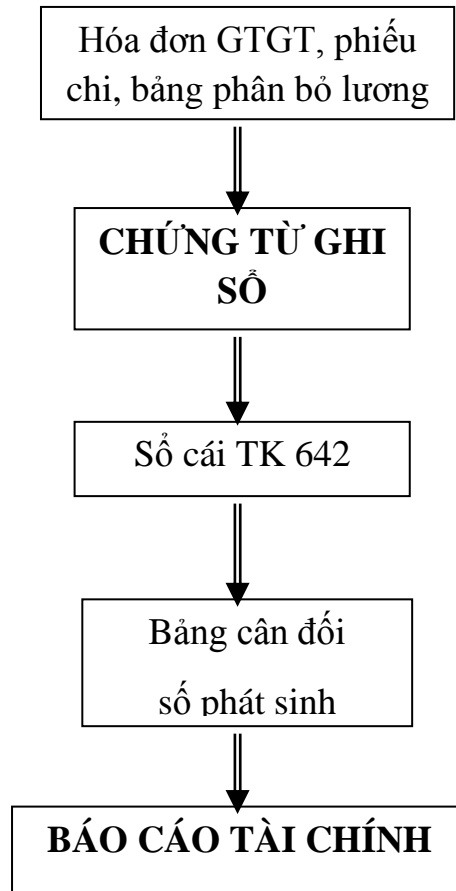
- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái TK 642.

✓ Tài khoản sử dụng :

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Phương pháp hạch toán :

Sơ đồ số 21 - Quy trình hạch toán chi phí QLDN



Ghi chú :

Ghi cuối tháng, cuối quý : \Longrightarrow

❖ **VD minh họa :**

- Căn cứ bảng lương tháng 12

Hạch toán tiền lương tháng 12/2009

+ Tính ra lương T12 của bộ phận quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 642 : 45.250.360

Có TK 334 : 45.250.360

+ Các khoản trích theo lương tính vào chi phí :

Nợ TK 642 : 9.050.072

Có TK 338 : 9.050.072

+ Xuất quỹ trả lương tháng 12/2009

Nợ TK 334 : 45.250.360

Có TK 111 : 45.250.360

- Căn cứ vào phiếu chi kèm hóa đơn

+ Hạch toán chi phí đồ dùng văn phòng

Nợ TK 642 : 6.337.800

Nợ TK 133 : 633.780

Có TK 111 : 6.971.580

+ Hạch toán các khoản chi phí khác bằng tiền mặt (điện, nước)

Nợ TK 642 : 12.230.900

Nợ TK 133 : 1.223.090

Có TK 111 : 13.453.990

- Căn cứ bảng trích khấu hao TSCĐ

Hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận quản lý doanh nghiệp :

Nợ TK 642 : 10.860.740

Có TK 214 : 10.860.740

Kế toán ghi :

+ Biểu số 2.16 : hóa đơn GTGT

+ Biểu số 2.17: Phiếu chi số 441

+ Biểu số 2.18 : Chứng từ ghi sổ số 621

+ Biểu số 2.19 : Sổ cái TK 642

Biểu số 2.16

HÓA ĐƠN

Mẫu số : 01 GTKT - 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

NL/2009B

Liên 2 : giao khách hàng

0069351

Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Địa chỉ : 270 – Đà Nẵng – Hải Phòng

Đơn vị bán hàng : Trung tâm thiết bị văn phòng

Số tài khoản :

Điện thoại :MS :

Họ tên người mua hàng : chị Linh

Tên đơn vị : Công ty CP giấy Mỹ Hương

Địa chỉ : 110 – Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng

Số tài khoản :

Hình thức thanh toán : TM MS : **0 2 0 0 7 4 7 3 1 0**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Máy tính Casio	Chiếc	5	245.000	1.225.000
2	Bút bi	Hộp	20	38.000	760.000

Cộng tiền hàng : 1.985.000

Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT : 198.500

Tổng cộng tiền thanh toán : 2.183.500

Số tiền viết bằng chữ : *hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng.*

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số 02–TT

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

(ban hành theo QĐ số 15/006/QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 22 tháng 12 năm 2009

Số : 441

Nợ TK 642 : 1.985.000

Nợ TK 133 : 198.500

Có TK 111 : 2.183.500

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Lan Phương

Địa chỉ : Trung tâm thiết bị văn phòng

270 – Đà Nẵng – Hải Phòng

Lý do chi : chi tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền : 2.183.500 (viết bằng chữ) : hai triệu, một trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng.

Kèm theo 01 hóa đơn

Chứng từ gốc :

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ) sáu triệu, chín trăm bảy mươi một ngàn, năm trăm tám mươi đồng

Ngày 22 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi :.....

Biểu số 2.18

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 621

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí đồ dùng văn phòng	642	111	2.183.500	
Chi phí lương T12	642	334	45.250.360	
Các khoản trích theo lương	642	338	9.050.072	
Hao mòn TSCĐ	642	214	8.860.740	
Các chi phí khác bằng tiền	642	111	8.230.900	
Cộng			73.575.572	

Kèm theo: 14 Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.19

Đơn vị : Công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02 c1-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính : ĐVN

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Quý 4/2009				
			<u>Tháng 10/2009</u>				
31/10	509	31/10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	334	41.680.900		
				338	8.336.180		
				214	7.030.500		
				111	12.560.700		
31/10	513	31/10	Kết chuyển CPQLDN	911		69.608.280	
			Cộng PS T10/2009		69.608.280	69.608.280	
			<u>Tháng 11/2009</u>				
30/11	570	30/11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	334	40.350.800		
				338	8.070.160		
				214	7.400.000		
				111	10.500.000		
30/11	576	30/11	Kết chuyển CPQLDN	911		66.320.960	
			Cộng PS T11/2009		66.320.960	66.320.960	
			<u>Tháng 12/2009</u>				
31/12	621	31/12	Chi phí quản lý doanh nghiệp	111	10.414.400		
				334	45.250.360		
				338	9.050.072		
				214	8.860.740		
31/12	629	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		73.575.572	
			Cộng PS T12/2009		73.575.572	73.575.572	
			Cộng PS quý 4/2009		209.504.812	209.504.812	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính :

❖ Nội dung hoạt động tài chính :

- Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu từ nguồn thu lãi tiền gửi hàng tháng từ ngân hàng. Do đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp là sản xuất bán trực tiếp thu tiền mặt là chủ yếu, quỹ tiền gửi thường dùng cho khách hàng ở xa thanh toán bằng chuyển khoản sau đó kế toán lại rút về quỹ tiền mặt để mua vật liệu do đó nguồn thu từ hoạt động tài chính không lớn.

- Công ty CP giấy Mỹ Hương chỉ chú trọng vào việc kinh doanh nên trong quá trình hoạt động công ty không tham gia vào đầu tư chứng khoán, giao dịch chứng khoán, dù có bán hàng trả sau nhưng không tính lãi.

❖ Sổ sách, chứng từ, tài khoản sử dụng :

✓ Chứng từ sử dụng :

- Giấy báo có lãi tiền gửi.
- Phiếu chi

Sổ sách sử dụng :

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái

✓ Tài khoản sử dụng :

- Đối với khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được kế toán theo dõi và hạch toán trên TK 515 – " Doanh thu hoạt động tài chính ".

- Đối với khoản trả lãi ngân hàng kế toán theo dõi và hạch toán trên TK 635 – " Chi phí hoạt động tài chính ".

❖ Phương pháp hạch toán :

Căn cứ vào giấy báo có lãi tiền gửi và thông báo nộp tiền kế toán viết phiếu chi, kế toán lập chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 515 và 635.

❖ VD minh họa :

Ngày 31/12/2009 ngân hàng trả lãi tiền gửi theo giấy báo có (biểu số 2.15) kế toán ghi :

- Biểu số 2.20 : Giấy báo có lãi tiền gửi
- Biểu số 2.21 : Chứng từ ghi sổ số 622
- Biểu số 2.22 : Sổ cái TK 515

Ngày 26/12/2009 công ty trả lãi ngân hàng số tiền 12.000.000đ kế toán viết :

- Biểu số 2.23 : Phiếu chi số 456
- Biểu số 2.24 : Chứng từ ghi sổ số 623
- Biểu số 2.25 : Sổ cái TK 635

Biểu số 2.20

GIAY BAO CO LAI TIEN GUI

VIETINBANK

Mat tv : 091

Chi nhánh Le Chan

TEN DON VI : CONG TY CP GIAY MY HUONG

Số cif : 0508452

SO TAI KHOAN :

Tu ngay	Den ngay	Lai suat	Tien lai
01/12/2009	31/12/2009		4.768.342

TONG CONG

12.768.342

Thanh toan vien

Kiem soat vien

Truong phong

Biểu số 2.21

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 622

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Ngân hàng trả lãi công ty	112	515	4.768.342	
Cộng			4.768.342	

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.22

Đơn vị : Công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02 c1-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 515 – doanh thu hoạt động tài chính

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính : ĐVN

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Quý 4/2009				
			<u>Tháng 10/2009</u>				
31/10	508	31/10	Ngân hàng trả lãi	112		5.673.450	
31/10	517	31/10	Kết chuyển CP lãi vay	911	5.673.450		
			Cộng PS T10/2009		5.673.450	5.673.450	
			<u>Tháng 11/2009</u>				
30/11	572	30/11	Chi phí lãi vay trả ngân hàng	112		4.521.698	
30/11	574	30/11	Kết chuyển CP lãi vay	911	4.521.698		
			Cộng PS T11/2009		4.521.698	4.521.698	
			<u>Tháng 12/2009</u>				
31/12	625	31/12	Chi phí lãi vay trả ngân hàng	112		4.768.342	
31/12	636	31/12	Kết chuyển CP lãi vay	911	4.768.342		
			Cộng PS T12/2009		4.768.342	4.768.342	
			Cộng PS quý 4/2009		14.963.490	14.963.490	

Biểu số 2.23

PHIẾU CHI

Ngày 26 tháng 12 năm 2009

Số : 456

Nợ TK 635 : 12.000.000

Có TK 111 : 12.000.000

Họ tên người nhận tiền : ngân hàng GBP Lạch Tray – Hải Phòng

Địa chỉ : Lạch Tray - Hải Phòng

Lý do chi : trả lãi ngân hàng

Số tiền : 12.000.000 (viết bằng chữ) : mười hai triệu đồng chẵn.

Kèm theo 01 hóa đơn

Chứng từ gốc :

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ) mười hai triệu đồng chẵn.

Ngày 26 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi :

Biểu số 2.24

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 623

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Công ty trả lãi ngân hàng	635	111	12.000.000	
Cộng			12.000.000	

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.25

Đơn vị : Công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02 c1-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 635 – chi phí hoạt động tài chính

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính : ĐVN

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Quý 4/2009				
			<u>Tháng 10/2009</u>				
31/10	510	31/10	Chi phí lãi vay trả ngân hàng	111	12.500.000		
31/10	519	31/10	Kết chuyển CP lãi vay	911		12.500.000	
			Cộng PS T10/2009		12.500.000	12.500.000	
			<u>Tháng 11/2009</u>				
30/11	575	30/11	Chi phí lãi vay trả ngân hàng	111	11.200.010		
30/11	576	30/11	Kết chuyển CP lãi vay	911		11.200.010	
			Cộng PS T11/2009		11.200.010	11.200.010	
			<u>Tháng 12/2009</u>				
31/12	627	31/12	Chi phí lãi vay trả ngân hàng	111	12.000.000		
31/12	638	31/12	Kết chuyển CP lãi vay	911		12.000.000	
			Cộng PS T12/2009		12.000.000	12.000.000	
			Cộng PS quý 4/2009		35.700.010	35.700.010	

2.2.5. Kế toán hoạt động khác :

❖ Nội dung :

Hoạt động khác là hoạt động nhượng bán và thanh lý tài sản. Trong năm 2009 hoạt động này của công ty không nhiều. Nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh trên tài khoản thu nhập khác và chi phí khác.

❖ Sổ sách, chứng từ, tài khoản sử dụng :

✓ Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu

✓ Sổ sách sử dụng :

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái

✓ Tài khoản sử dụng :

- Đối với thu nhập khác kế toán phản ánh trên TK 711 – Thu nhập khác.
- Đối với chi phí khác kế toán phản ánh trên TK 811 – Chi phí khác.

❖ Phương pháp hạch toán :

Kế toán lập hóa đơn GTGT, căn cứ hóa đơn kế toán viết phiếu thu, kế toán tiến hành ghi nhận thu nhập khác và chi phí khác. Từ hóa đơn GTGT, phiếu thu kế toán lập chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 711. Căn cứ bảng trích khấu hao kế toán lập chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 811.

❖ VD minh họa :

Ngày 21/12/2009 công ty nhượng bán 1 fotocopy cho cty TNHH Long Trọng với giá 18.150.000. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán ghi :

- Biểu số 2.26 : Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biểu số 2.27 : Hóa đơn GTGT liên 3 số 0009760
- Biểu số 2.28 : Phiếu thu số 539
- Biểu số 2.29: Chứng từ ghi sổ số 625
- Biểu số 2.30 : Chứng từ ghi sổ số 626
- Biểu số 2.31 : Sổ cái TK 711
- Biểu số 2.32 : Sổ cái TK 811

Biểu số 2.26

CTY CP GIẤY MỸ HƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Hải Phòng, ngày 21 tháng 12 năm 2009

Căn cứ quyết định số 540 ngày 17/12/2009 của giám đốc công ty về việc thanh lý thiết bị văn phòng.

I. Ban thanh lý gồm có :

1. Ông Vũ Khắc Long : - Phó giám đốc công ty
- Trưởng ban thanh lý
2. Bà Lý Thị Hương : - Kế toán trưởng
3. Bà Đỗ Mai Lan : - Kế toán viên

II. Tiến hành thanh lý thiết bị văn phòng :

STT	Loại máy	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
1	Máy fotocopy	2007	25.680.000	10.645.340	15.034.660

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ : TSCĐ vẫn hoạt động được

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ

-Chi phí thanh lý : 0

-Giá trị thu hồi : 16.500.000 (viết bằng chữ) : mười sáu triệu lăm trăm nghìn đồng chẵn

Ngày 21 tháng 12 năm 2009

Trưởng ban thanh lý

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.27

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số : 01 GTKT - 3LL

NL/2008B

Liên 3 : Nội bộ

0009760

Ngày 22 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng :	Công ty CP giấy Mỹ Hương
Địa chỉ :	110 – Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng
Số tài khoản :	MST: 0 2 0 0 7 4 7 3 1 0
Điện thoại :MS :	

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : Công ty TNHH Long Trọng

Địa chỉ : đường vòng cầu Niệm – Hải Phòng

Số tài khoản :

Hình thức thanh toán : TM MS : **0 2 0 0 8 4 7 9 0 0**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
	Máy fotocopy	Chiếc	1	16.500.000	16.500.000

Cộng tiền hàng : 16.500.000

Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT : 1.650.000

Tổng cộng tiền thanh toán : 18.150.000

Số tiền viết bằng chữ : *mười tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.n*

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.28

Đơn vị: Công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số 01-TT

Địa chỉ: 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU THU

Quyển số : 24

Ngày 21 tháng 12 năm 2009

Số : 539

Nợ TK 111: 18.150.000

Có TK 711: 16.500.000

Có TK 3331: 1.650.000

Họ và tên người nộp tiền: Lê Văn Huy

Địa chỉ: công ty TNHH Long Trọng

Lý do nộp: trả tiền mua máy fotocopy

Số tiền: 18.150.000 (Viết bằng chữ): mười tám triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) mười tám triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Ngày 21 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán	Người nộp	Người lập	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	trưởng	tiền	phiếu	(ký, họ tên)
	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý) :.....

+ Số tiền quy đổi :.....

Biểu số 2.29

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 625

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu nhập từ bán máy fotocopy	111	711	16.500.000	
Thuế GTGT đầu ra	111	3331	1.650.000	
Cộng			18.150.000	

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.30

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 626

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giảm nguyên giá TSCĐ	811	211	15.034.660	
Giá trị hao mòn TSCĐ	214	211	25.645.340	
Cộng			40.680.000	

Kèm theo: 02 Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.31

Đơn vị : Công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02 c1-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 711 – thu nhập khác

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính : ĐVN

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
...	
			Lũy kê PS đến 30/11/2009		15.102.861	15.102.861	
			<u>Tháng 12/2009</u>				
31/12	519	31/10	Thu nhập từ bán máy photocopy ³⁴	111	16.500.000		
31/10	628	31/10	Kết chuyển thu nhập khác	911		16.500.000	
			Cộng PS T12/2009		16.500.000	16.500.000	
			Cộng PS quý 4/2009		16.500.000	16.500.000	
			Lũy kê PS đến 31/12/2009		31.602.861	31.602.861	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi số

(ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.32

Đơn vị : Công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02 c1-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 811 – chi phí khác

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính : ĐVN

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
...	
			Lũy kê PS đến 30/11/2009		18.112.861	18.112.861	
			<u>Tháng 12/2009</u>				
31/12	630	31/10	Giảm nguyên giá TSCĐ	211	15.034.660		
31/10	520	31/10	Kết chuyển chi phí khác	911		15.034.660	
			Cộng PS T12/2009		15.034.660	15.034.660	
			Cộng PS quý 4/2009		15.034.660	15.034.660	
			Lũy kê PS đến 31/12/2009		33.147.521	33.147.521	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh :

❖ **Nội dung :**

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả, kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

❖ **Tài khoản, sổ sách sử dụng :**

✓ *Tài khoản sử dụng :*

- Xác định kết quả kinh doanh kế toán sử dụng TK 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp gồm : Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

- TK 511, TK 632, TK 642, TK 635, TK 711, TK 811, TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.

✓ *Sổ sách sử dụng :*

- Chứng từ ghi sổ.

- Sổ cái.

❖ **Phương pháp hạch toán :**

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả} & = & \text{Doanh thu} & - & \text{Giá} & \text{Chi phí} & + & \text{Kết quả hoạt} & + & \text{Kết quả} \\ \text{Kinh doanh} & & \text{thuần} & & \text{vốn} & \text{QLDN} & & \text{động TC} & & \text{HĐ khác} \end{array}$$

❖ **VD minh họa :**

Quý 4 năm 2009 kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh của cty CP giấy Mỹ Hương thực hiện các bút toán kết chuyển sau :

- Kết chuyển doanh thu bán hàng :

Nợ TK 511 : 1.460.280.000

Có TK 911 : 1.460.280.000

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính :
 Nợ TK 515 : 14.963.490
 Có TK 911 : 14. 963.490
- Kết chuyển thu nhập khác :
 Nợ TK 711 : 16.500.000
 Có TK 911 : 16.500.000
- Kết chuyển giá vốn hàng bán :
 Nợ TK 911 : 823.148.171
 Có TK 632 : 823.148.171
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp :
 Nợ TK 911 : 209.504.812
 Có TK 642 : 209.504.812
- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính :
 Nợ TK 911 : 35.700.010
 Có TK 635 : 35.700.010
- Kết chuyển chi phí khác :
 Nợ TK 911 : 15.034.660
 Có TK 811 : 15.034.660

Kế toán thực hiện tính kết quả lãi, lỗ của toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty

$$\begin{aligned} \text{Kết quả} & \quad (1.460.280.000 + 14.963.490 + 16.500.000 - 823.148.171 - \\ \text{kinh doanh} & \quad = \quad \quad \quad 35.700.010 - 209.504.812 - 15.034.660) \\ & \quad = \quad \mathbf{408.355.837} \end{aligned}$$

Ta thấy kết quả kinh doanh = 408.355.837 > 0 nên quý 4 có lãi

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý 4 = 408.355.837 * 25% = 102.088.959

- Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp :
 Nợ TK 821 : 102.088.959
 Có TK 3334 : 102.088.959

- Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp sang TK 911 :

Nợ TK 911 : 102.088.959

Có TK 821 : 102.088.959

Sau khi tính lãi (lỗ), kế toán tổng hợp kết chuyển doanh thu sang TK 421 :

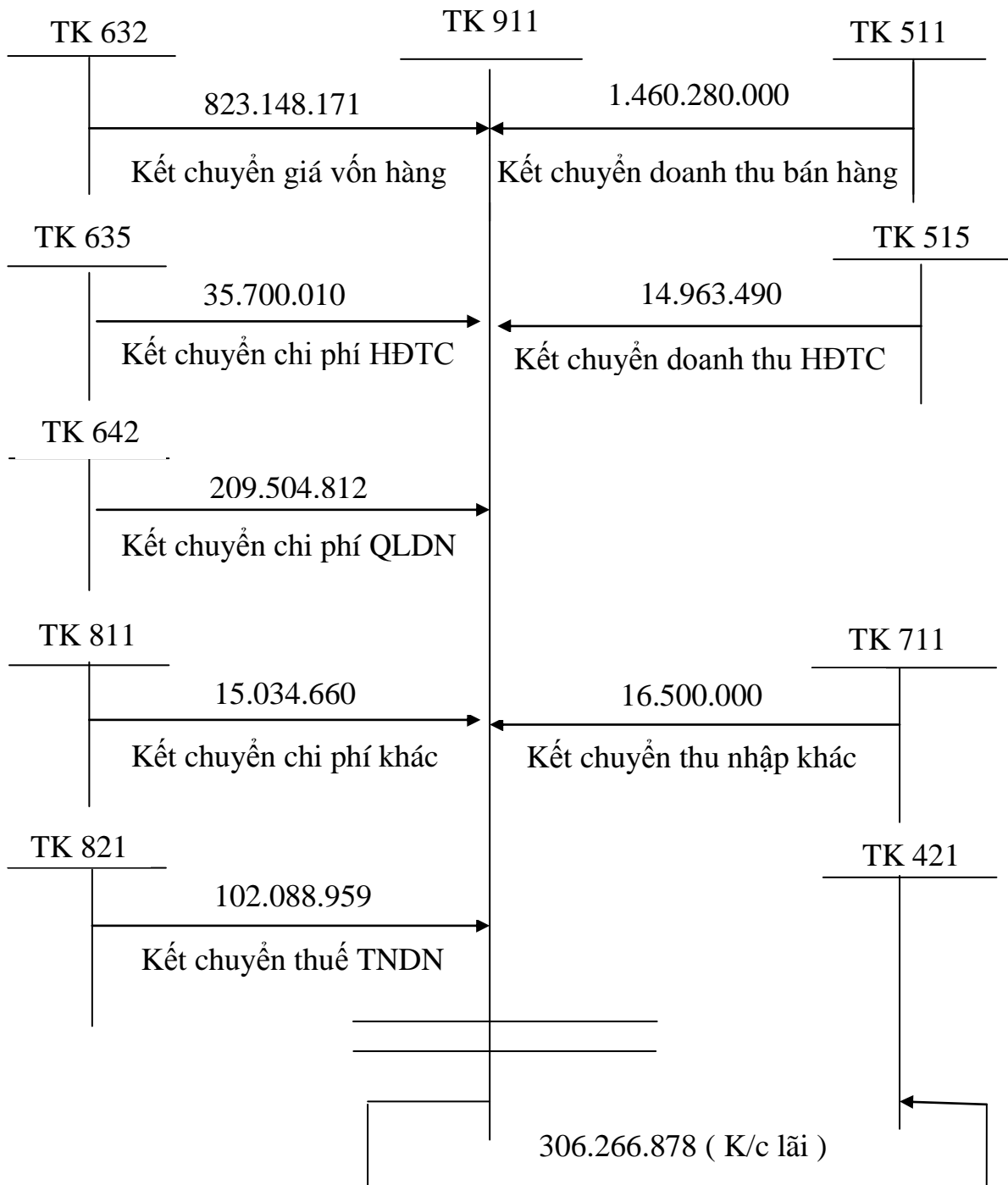
Nợ TK 911 : 306.266.878

Có TK 421 : 306.266.878

Từ các số liệu trên kế toán ghi :

- Biểu số 2.33 : Chứng từ ghi sổ số 628
- Biểu số 2.34 : Chứng từ ghi sổ số 629
- Biểu số 2.35 : Chứng từ ghi sổ số 630
- Biểu số 2.36 : Chứng từ ghi sổ số 631
- Biểu số 2.37 : Chứng từ ghi sổ số 632
- Biểu số 2.38 : sổ cái TK 911
- Biểu số 2.39 : Sổ cái TK 421
- Biểu số 2.40 : Báo cáo kết quả kinh doanh quý IV

Sơ đồ xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2009



Biểu số 2.33

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 628

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4	511	911	1.460.280.000	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	14.963.490	
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	16.500.000	
Cộng			1.491.743.490	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.34

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 629

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911	632	823.148.171	
Kết chuyển chi phí QLDN quý 4	911	642	209.504.812	
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính quý 4	911	635	35.700.010	
Kết chuyển chi phí khác	911	811	15.034.660	
Cộng			1.083.387.653	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.35

Mẫu số S02a-DN

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 630

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	102.088.959	
Cộng			102.088.959	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.36

Mẫu số S02a-DN

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHUNG TỪ GHI SỔ

Số : 631

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	102.088.959	
.....				
.....				
Cộng			102.088.959	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu số 2.37

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 632

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển lãi quý IV/2009	911	421	306.266.878	
Cộng			306.266.878	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.38

Đơn vị : Công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02 c1-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính : ĐVN

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
31/12	628	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		1.460.280.000	
31/12	628	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		14.963.490	
31/12	628	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		16.500.000	
31/12	629	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	823.148.171		
31/12	629	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	35.700.010		
31/12	629	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	209.504.812		
31/12	629	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	15.034.660		
31/12	631	31/12	Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp	821	102.088.959		
31/12	632	31/12	Kết chuyển lãi quý 4	421	306.266.878		
			Cộng PS quý 4		1.491.743.490	1.491.743.490	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.39

Đơn vị : Công ty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số S02 c1-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 421 – lợi nhuận chưa phân phối

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính : ĐVN

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			Số dư đầu quý 4/2009			<u>689.750.670</u>	
31/12	636	31/12	Kết chuyển lãi quý 4	911		306.266.878	
			Tổng PS năm 2009			996.017.548	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.40

Đơn vị báo cáo : Cty CP giấy Mỹ Hương

Mẫu số B02-DN

Địa chỉ : 110-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2009

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2009
1	2	3	4
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.460.280.000
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.460.280.000
4.Giá vốn hàng bán	11	VI.27	823.148.171
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		637.131.829
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	14.963.490
7.Chi phí tài chính	22	VI.28	35.700.010
- Trong đó chi phí lãi vay	23		35.700.010
8.Chi phí bán hàng	24		
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		209.504.812
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 + (21-22) - (24+25))	30		406.890.497
11.Thu nhập khác	31		16.500.000
12.Chi phí khác	32		15.034.660
13.Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.465.340
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		408.355.837
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		102.088.959
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51- 52)	60		306.266.878

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP GIẤY MỸ HƯƠNG

3.1. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp :

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thiết phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý kinh tế mới, để đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay giữa sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt. Vì vậy mỗi doanh nghiệp phải tìm cho mình một hướng đi đúng tự hoàn thiện mình để đứng vững trên thị trường.

Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo các yêu cầu sau :

- Nắm vững chắc nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Vì vậy cần hoàn thiện bộ máy kế toán và công tác hạch toán để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ trên mặt lý thuyết mà phải phù hợp và nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

- Các thông tin kế toán phải chính xác, xác thực phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

3.1.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh :

Để đáp ứng yêu cầu cho quản lý về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty CP giấy Mỹ Hương dựa trên những nguyên tắc sau :

- Hoàn thiện phải tuân theo hệ thống sổ sách kế toán, chế độ kế toán, các chuẩn mực kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính. Công ty có thể áp dụng chế độ linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty nhưng vẫn phải tuân thủ theo đúng nguyên tắc chung của chế độ kế toán Việt Nam.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin nhanh chóng, kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp từ đó có những quyết định đúng đắn nhằm nâng cao khả năng kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả.

3.2. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Cùng với sự phát triển của đất nước trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu giữ vững thị trường và tăng trưởng nhanh là trách nhiệm và mong muốn của toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty. Công ty ngày càng mạnh rạn đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng kinh doanh và kết quả doanh thu hàng năm của công ty đã tăng lên rõ rệt, đã cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên của công ty. Có được sự tồn tại và phát triển như ngày nay là do sự vươn lên không ngừng đổi mới của công ty mà trước hết là sự năng động sáng tạo của ban giám đốc, của bộ máy quản lý công ty và sự đoàn kết đồng lòng của tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty.

Qua một thời gian tìm hiểu và thực tập tại công ty CP giấy Mỹ Hương, được tiếp cận với công tác quản lý kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự nhiệt tình giúp đỡ của mọi người trong công ty và phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Cũng qua khóa luận này em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và kiến nghị để bổ sung nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP giấy Mỹ Hương.

3.2.1. Ưu điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty :

3.2.1.1. Về bộ máy kế toán :

Hệ thống quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng yêu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của Công ty. Ngày nay, hệ thống kế toán của công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ.

Qua thực tế cho thấy công tác kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng của Công ty, trong cách phân việc kế toán được phân công tương đối rõ ràng cho từng người trong phòng kế toán, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các phần hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất trong phạm vi ghi chép và các nguồn tài liệu. Số liệu kế toán phản ánh một cách trung thực, hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý kinh doanh của công ty. Từ đó tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu, dễ dàng phát hiện các sai sót để sửa chữa kịp thời, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác nhất cho ban lãnh đạo công ty, giúp cho ban lãnh đạo công ty nắm bắt được chính xác tình hình hoạt động của công ty và có những quyết định kinh doanh kịp thời, phù hợp với yêu cầu của thị trường. Do đó việc tổ chức công tác kế toán tại công ty là phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty.

3.2.1.2. Về hình thức kế toán :

Hiện nay Công ty đang áp dụng theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Hình thức này có ưu điểm là mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra thuận lợi cho việc phân công lao động phù hợp với quy mô, đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty.

Công ty luôn chấp hành đầy đủ chính sách và chế độ của Nhà nước, tổ chức mở các sổ kế toán hợp lý, phản ánh tình hình tiêu thụ hàng hóa đầy đủ chính xác, góp phần không nhỏ trong việc quản lý tài sản của Công ty .

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều đúng với mẫu của Bộ tài chính quy định

Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép đầy đủ chính xác vào chứng từ và đều có chữ ký của các bên liên quan tạo điều kiện kiểm tra.

3.2.1.3. Về tổ chức công tác hạch toán kế toán :

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các chính sách và chế độ tài chính kế toán của Nhà nước, tổ chức mở các sổ kế toán hợp lý. Tại phòng kế toán của công ty được theo dõi thường xuyên và chặt chẽ. Chứng từ được lập đều có đầy đủ chữ ký của người có liên quan sử dụng đúng mẫu của bộ tài chính.

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ tại Công ty là rất hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý. Các chứng từ ban đầu được lập tại công ty đều phù hợp với các yêu cầu quản lý kinh tế.

Công ty sử dụng các sổ sách kế toán và ghi chép số liệu một cách trung thực, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu đảm bảo tính thống nhất về phạm vi , phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận có liên quan.

3.2.2. Hạn chế còn tồn tại trong tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc hạch toán kế toán ở công ty vẫn còn những hạn chế sau :

3.2.2.1. Về bộ máy kế toán :

Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy tính nhưng việc hạch toán kế toán chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán vào làm việc và quản lý mà vẫn làm thủ công. Vì vậy đôi lúc chưa xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.2.2.2. Về hình thức kế toán :

Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Chứng từ ghi sổ. Hình thức này có nhiều ưu điểm phù hợp với yêu cầu kế toán của công ty.

Tuy nhiên trong quá trình vận dụng hình thức này, thiếu sót của kế toán công ty là không lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, khiến cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ không được chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ không được sắp xếp thuận lợi cho việc vào sổ cái, khó khăn cho việc kiểm tra, đối chiếu hay khi gặp sai sót hay thắc mắc muốn điều chỉnh thì phải điều chỉnh ở các tháng sau nữa hay thời gian sau nữa.

3.2.2.3. Về vận dụng khoa học công nghệ trong tổ chức kế toán :

Hiện nay công ty đã áp dụng máy tính vào công tác kế toán. Tuy nhiên hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của Công ty chưa được thực hiện một phần mềm kế toán nào mà mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình excel, word và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế ngày càng nhiều khiến Kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, hầu hết các doanh nghiệp đang phấn đấu Công nghiệp hóa – hiện đại hóa mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ máy tính vào tổ chức quản lý. Công ty có sử dụng máy tính nhưng không vận dụng hết sẽ gây lãng phí , giảm hiệu quả của việc áp dụng máy tính trong công tác kế toán.

3.3. Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP giấy Mỹ Hương

Thứ nhất : Về hệ thống sổ kế toán

Hiện nay công ty đang sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ nhưng không sử dụng sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ, khiến cho việc quản lý các chứng từ không được

chặt chẽ, các chứng từ ghi sổ không được sắp xếp thuận lợi cho việc vào sổ cái, kho khăn cho việc kiểm tra. Vì vậy công ty cần mở thêm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, vì đây là sổ kế toán tổng hợp để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian, sổ vừa để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vừa quản lý chứng từ ghi sổ, vừa để kiểm tra số liệu với bảng cân đối sổ phát sinh.

Mẫu sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Đơn vị : công ty CP giấy Mỹ Hương

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	C
.....
602	31/12	49.383.500
604	31/12	372.664.700
621	31/12	73.575.572
622	31/12	4.768.342
623	31/12	12.000.000
.....
	Lũy kế tới tháng báo cáo	

Thứ hai : Về việc sử dụng tài khoản

Tại công ty CP giấy Mỹ Hương tất cả các khoản chi phí phát sinh đều được tập hợp phản ánh trên tài khoản 642 – « Chi phí quản lý doanh nghiệp ». Để giải quyết hạn chế trên kế toán nên sử dụng tài khoản 641 – « Chi phí bán hàng » và tài khoản 642 – « chi phí quản lý doanh nghiệp », trong đó những tài khoản chỉ ở bộ phận bán hàng và các chi phí liên quan trong quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ của đơn vị nên đưa thẳng vào tài khoản 641. Những khoản chi phí phát sinh ở bộ

phận văn phòng và chi phí quản lý doanh nghiệp nói chung nên đưa thẳng vào tài khoản 642.

Việc làm này là cần thiết vì nó giúp cho kế toán xác định được kết quả cụ thể, chính xác giúp cho việc theo dõi quản lý dễ dàng, từ đó có thể đưa ra các biện pháp quản lý hữu hiệu với khoản chi phí này.

Ví dụ : Tiền lương tháng 12 /2009 của nhân viên quản lý là 45.250.360đ. Trong đó tiền lương của nhân viên bán hàng là 12.630.600đ, tiền lương của nhân viên quản lý là 32.619.760đ.

+ Trước kia kế toán phản ánh chi phí lương như sau :

Nợ TK 642 : 45.250.360

Có TK 334 : 45.250.360

+ Khi mở thêm tài khoản kế toán phản ánh :

Nợ TK 641 : 12.630.600

Nợ TK 642 : 32.619.760

Có TK 334 : 45.250.360

Thứ ba : Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng được hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm quy định.

Hiện nay tình hình tài chính của công ty cho thấy rằng khoản « Nợ phải thu » của công ty đến thời điểm 31/12/2009 vẫn còn nhiều (còn 505.678.900). Điều này làm ảnh hưởng lớn đến tình hình quay vòng vốn của công ty. Mặt khác vốn của công ty bị khách hàng chiếm dụng quá nhiều nên công ty phải đi vay vốn để thanh toán cho nhà cung cấp.

Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ vào từng khách hàng thanh toán nợ cho công ty là đầu tháng sau trả tiền tháng trước trong vòng 15 ngày, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu theo thời gian, cụ thể :

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ mùng 2-4 của tháng sau thì được hưởng mức chiết khấu 0,2%

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ mùng 5-10 của tháng sau thì được hưởng mức chiết khấu 0,1%.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 – « Chi phí tài chính ».

Hàng tháng kế toán tổng hợp căn cứ vào chứng từ ghi chép các khoản chiết khấu thanh toán dành cho từng khách hàng để tổng hợp.

Thứ tư : Về việc lập báo cáo tài chính

Hiện nay công ty lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý và thông báo tình hình tài chính cũng như hoạt động kinh doanh của công ty trong quý đó và báo cáo quản trị để gửi lên ban lãnh đạo công ty, để kịp thời theo dõi, đánh giá và có những biện pháp hữu hiệu nhất có thể tăng doanh thu trong thời gian tiếp theo. Đây là việc làm tốt công ty cần phát huy. Tuy nhiên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính công ty không lập thường xuyên. Vì vậy Ban giám đốc cần xem xét đôn đốc quản lý nhân viên để công việc được thực hiện tốt hơn. Hơn nữa việc lập đầy đủ hai báo cáo tài chính này rất cần thiết, giúp nhà quản lý nắm bắt rõ hơn tình hình hoạt động kinh doanh của công ty nói chung, tình hình lưu chuyển nguồn vốn, sự vận động của tài sản....Từ đó đưa ra những quyết định tài chính đúng đắn để phát triển công ty.

Thứ năm : Tin học hóa công tác kế toán

Tại công ty CP giấy Mỹ Hương công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kê mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương. Mà công việc kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy công ty cần nhanh chóng cài đặt các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

Công ty có thể viết phần mềm theo quy định theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc « hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán » hoặc mua phần mềm của các nhà cung ứng cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp :

- Phần mềm kế toán MISA của công ty Cổ phần MISA
- Phần mềm kế toán SAS INNOVA
- Phần mềm MEGA DATA

Khi sử dụng những phần mềm này, việc kiểm tra, quản lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời. thêm vào đó tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi và an toàn.

Thứ sáu : về phương thức tiêu thụ hàng

Để thu hút được khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh, tăng lợi nhuận Công ty nên áp dụng những phương thức tiêu thụ hàng sau :

- Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng : trường hợp giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho của phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm khi đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

- Phương thức gửi đại lý : khi xuất gửi các đại lý thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi công ty sẽ trích tỷ lệ phần trăm khoản hoa hồng cho đại lý.

- Phương thức bán hàng trả góp : Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyên giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả chậm dần trong một thời gian nhất định.

3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP giấy Mỹ Hương :

3.4.1. Về phía Nhà nước

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng. Ban hành các quyết định, thông tư trong chế độ kế toán mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ tạo điều kiện cho công ty hoạt động dễ dàng và có hiệu quả.

- Có chính sách hỗ trợ trong quá trình công ty đầu tư trang thiết bị máy móc kỹ thuật để khuyến khích công ty.

- Nhà nước cần có chính sách ưu đãi đặc biệt với công ty khi mới chuyển sang hình thức cổ phần hóa như chính sách về thuế thu nhập, hỗ trợ công ty trong quá trình huy động vốn.

3.4.2 Về phía doanh nghiệp

- Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính năm 2009, quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí. Triệt để cắt giảm mọi chi phí không cần thiết, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính, có các biện pháp tích cực thu hồi công nợ, nắm bắt khả năng thanh toán của các đơn vị khách hàng để ngăn ngừa các tình trạng thất thoát tiền vốn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Phấn đấu tìm kiếm hợp đồng kinh tế mới để đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Để thực hiện được điều này công ty nên vận dụng các mối quan hệ sẵn có để có thể giao thiệp tạo các mối quan hệ mới với khách hàng mới và cử nhân viên đi khảo sát thị trường và tìm kiếm khách hàng.

- Bên cạnh đó công ty tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng. Một đặc điểm nổi bật trong nền kinh tế thị trường hiện nay là tính cạnh tranh rất cao, vì thế việc giữ mối quan hệ lâu bền và tốt đẹp với khách hàng là rất cần thiết với Doanh nghiệp là có thể tồn tại và phát triển. Đây cũng là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp để làm được điều này công ty nên có các chính sách ưu đãi với khách hàng.

- Cần tổ chức sắp xếp lại bộ máy kế toán doanh nghiệp theo hướng kết hợp bộ phận kế toán tài chính và bộ phận kế toán quản trị cùng một bộ máy kế toán. Trên

cơ sở đó bộ phận kế toán quản trị sử dụng các thông tin đầu vào chủ yếu từ kế toán tài chính để thu thập, xử lý và lượng hóa thông tin theo chức năng riêng của mình.

- Về nguồn nhân lực thực hiện kế toán : Có chính sách đào tạo lại cũng như nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về kế toán để đội ngũ nhân viên kế toán nắm vững nghiệp vụ kinh tế, luật kế toán, tài chính doanh nghiệp thích ứng với yêu cầu đòi hỏi của nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó đội ngũ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, nắm vững nghiệp vụ trong vị thế được giao, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

KẾT LUẬN

Việc kinh doanh hàng hóa của doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp làm chiếc cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng với mục đích cuối cùng là LỢI NHUẬN. Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng sản phẩm bán ra không những trong thị trường nội địa mà ngay cả trong thị trường nước ngoài và giảm thiểu chi phí nhưng vẫn không làm giảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ. Bởi vậy trong nền kinh tế hiện nay sự cạnh tranh diễn ra ngày càng quyết liệt, công tác tiêu thụ hàng hóa trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty CP giấy Mỹ Hương cũng đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Qua thời gian em thực tập, thực tế tìm hiểu về mô hình cũng như công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty CP giấy Mỹ Hương và em xin chọn đề tài « *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP giấy Mỹ Hương* ». Bằng khóa luận em xin đóng góp vài ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

Tuy nhiên do vấn đề nghiên cứu này là tổng hợp, phức tạp khó đánh giá chính xác đòi hỏi người nghiên cứu phải có kiến thức rộng và sử dụng nhiều phương pháp khác nhau trong phân tích. Mặc dù đã nỗ lực hết sức nhưng sự hiểu biết và kinh nghiệm thực tế của em còn nhiều hạn chế nên nội dung của khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo, ban lãnh đạo công ty CP giấy Mỹ Hương cùng các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2009.

Sinh viên

Nguyễn Thị Hoa

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	01
CHƯƠNG I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất ..	03
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	03
1.1.1. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	03
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	04
1.1.2.1. Doanh thu	04
1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	04
1.1.2.3. Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	05
1.1.2.4. Doanh thu tài chính, chi phí tài chính	07
1.1.2.5. Chi phí khác, thu nhập khác.....	07
1.1.2.6. Xác định kết quả kinh doanh.....	08
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	08
1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	09
1.2.1. Các nguyên tắc cơ bản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	09
1.2.1.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng.....	09
1.2.1.2. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng	10
1.2.1.3. Các nguyên tắc cơ bản khi xác định kết quả kinh doanh.....	11
1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	12
1.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14

1.2.4 Kế toán giá vốn hàng bán.....	17
1.2.5. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	20
1.2.5.1. Chứng từ kế toán.....	20
1.2.6. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	22
1.2.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	26
1.2.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	28
1.2.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	29
1.3. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	32
1.3.1. Hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	32
1.3.2 Hình thức Nhật ký chung.....	33
1.3.3 Hình thức Nhật ký – Chứng từ.....	33
1.3.4 Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	34
1.3.5. Hình thức kế toán máy.....	35
CHƯƠNG II: Thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP giấy Mỹ Hương.....	36
2.1 Khái quát chung về công ty CP giấy Mỹ Hương.....	36
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	36
2.1.2. Lao động.....	37
2.1.3. Công nghệ.....	37
2.1.4. Chức năng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.....	37
2.1.5. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty CP giấy Mỹ Hương.....	39
2.1.6. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CP giấy Mỹ Hương.....	40
2.1.7. Đặc điểm vận dụng chế độ chính sách kế toán tại công ty CP giấy Mỹ Hương.....	42

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP giấy Mỹ Hương	45
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng	45
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	57
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	66
2.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.....	73
2.2.5. Kế toán hoạt động khác	80
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	88
CHƯƠNG III : Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP giấy Mỹ Hương.....	100
3.1. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	100
3.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	100
3.1.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	101
3.2. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	101
3.2.1. Ưu điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty	102
3.2.2. Hạn chế còn tồn tại trong tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	103
3.3. Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP giấy Mỹ Hương.....	104
3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP giấy Mỹ Hương	108
3.4.1. Về phía Nhà nước.....	108

3.4.2 Về phía doanh nghiệp.....	109
KẾT LUẬN	110